

H.T THÍCH NHẬT QUANG

XUÂN NHẬT

LỜI ĐẦU SÁCH

Thánh giáo được ghi thành lời chép thành quyển, số đó nhiều vô kể. Tựu trung chỉ cho chúng ta nhận ra, nhắc chúng ta sống thực với chính bản hữu tịnh thanh của mình, không có gì khác hơn.

Tuy vậy,

Thực sự sống an lạc thì thật là khó vô cùng. Có nghĩa gì chút hoa đốm trong không, thế nhưng ta vẫn rơi loạn. Bởi vì ta vẫn chưa bình yên. Rồi vì thế ta bấp bênh, buông trôi. Chân trời tịnh thanh vắng bóng, mờ bồng bong tơ tưởng cứ bời bời ra đó. Làm sao đây ? Thử buông đi.

Dù vậy,

“Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”. Các pháp xưa nay là vậy. Chân trời tịnh thanh đây rồi. Song, điều ấy chỉ có ở một đạo nhân vô tâm. Một ngày sống là một ngày xuân, ngày ngày sống là ngày ngày xuân.

Xuân Nhật chính là lộ trình ấy. Với chút tin vui này, xin mời các pháp hữu đồng hướng đồng hạnh cùng chúng tôi bước vào vườn xuân. Để một lần chúng ta nhìn lại và nhận ra mặt mắt thật xưa nay của mình chưa từng vắng thiếu.

Tuy nhiên,

Đây là những lời chân tình bộc bạch trong đời thường, nên chúng tôi không dám kỳ vọng gì hơn là được chia sẻ cùng mười phương pháp lữ chút tin vui này, mà quên đi phận Tăng hèn miền thôn dã.

Rất mong chư pháp hữu lượng thứ cho.

Thiền viện Thường Chiếu

Thích Nhật Quang



GHI NHẬN CÔNG PHU NGÀY ĐẦU NĂM

Hôm nay là ngày kỷ niệm đức Phật Di Lạc, đức Phật tương lai giáng sinh. Trước khi nói đến phần đạo lý nhân ngày đầu năm, chúng tôi nói sơ lược về danh hạnh của Bồ-tát Di Lạc.

Tất cả chúng ta đều biết Bồ-tát Di Lạc có thân hình mạnh khỏe, bụng to, miệng cười toe toét. Ý nghĩa chữ Di Lạc là đại hoan hỷ hay là đại từ bi. Tiếng Phạn là Maitreya, âm Hán là Mai Đát Lệ Da Bồ-tát hay Mê Đễ Cửu Bồ-tát, Di Đễ Lễ Bồ-tát. Việt dịch là Bồ-tát Từ Thị. Bồ-tát Từ Thị cũng chính là Bồ-tát Di Lạc.

Bồ-tát xuất thân từ gia đình Bà La Môn, là một trong bốn giai cấp ở Ấn Độ thời xưa. Về sau Ngài quay về với Phật pháp, làm đệ tử Phật. Ngài nhập diệt trước Phật. Dùng thân Bồ-tát trụ cõi Đâu Suất và giáo hoá trên cõi trời này. Trong thời tu nhân Ngài đã phát nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh và không ăn thịt tất cả chúng sanh. Lời nguyện nghe thông thường nhưng khó thực hiện.

Chúng ta cũng phát nguyện giữ giới không ăn thịt hay không giết hại chúng sanh. Các vị đại Bồ-tát, các vị cổ Phật trong thời tu nhân xa xưa, cũng phát nguyện như vậy. Có điều các Ngài giữ trọn vẹn, nên thành tựu Bồ-tát, Phật vị. Còn chúng ta giữ chưa trọn vẹn nên chúng ta chưa thành Bồ-tát, thành Phật. Nếu chúng ta gìn giữ trọn vẹn, đầy đủ thì chúng ta cũng là những vị Bồ-tát hay những vị Phật tương lai.

Vì hạnh nguyện như vậy nên Ngài được tôn xưng là Từ Thị. Chữ Từ là thương tất cả chúng sanh. Tâm đại từ là một trong bốn tâm lớn Từ, Bi, Hỷ, Xả mà các vị đại Bồ-tát thường áp dụng tu hành. Thời tu nhân, Bồ-tát tu hạnh Đại thừa, phát nguyện không ăn thịt chúng sanh và được tôn xưng là Từ Thị, là vị Bồ-tát có lòng từ đối với tất cả chúng sanh.

Nhiều khi chúng ta cứ tưởng tượng hồi xưa chư Phật, chư Bồ-tát có phương pháp tu đặc biệt, độc đáo mà chúng ta không có, không hiểu. Nhưng không ngờ cũng từ những pháp tu đó mà các Ngài thực hành với tâm chắc thực, khẳng quyết cho nên các Ngài thành công. Chúng ta cũng phát tâm nhưng không có ý chí lâu bền liên tục, nên thành công không viên mãn. Từ chỗ khuyết này, chúng ta biết và cố gắng khắc phục để việc tu học được viên mãn. Dù tu pháp nào nếu có đầy đủ ý chí, có tâm khẳng quyết thì chắc

chấn sẽ thành công. Trái lại nếu hiểu tất cả phương pháp Phật dạy, công án tu hành của các đời Tổ sư, nhưng không kiên tâm trì chí thì sự tu học cũng không tới đâu.

Bồ-tát Di Lặc được đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký sẽ thay đức Phật Thích Ca giáo hóa chúng sanh trong cõi Ta Bà trong đời đương lai. Cho nên Ngài thường được tôn xưng là Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật. Tức vị Phật tương lai hiệu Di Lặc. Gần đây có những vị giảng về hội Long Hoa, khuyến khích người ta tu mau kéo trễ v.v... Nhưng thật ra họ không hiểu gì về Phật Di Lặc cả, không biết hội Long Hoa ra đời vào lúc nào ở đâu v.v...

Đức Phật Thích Ca huyền ký vào thời kỳ con người sống lâu đến bốn ngàn tuổi thì Bồ-tát Di Lặc mới ra đời, chớ không phải một hai năm nữa tận thế. Thái dương hệ hay tam thiên đại thiên thế giới này có các thời kỳ sinh, trụ, hoại, diệt hay thành, trụ, hoại, không.

Người tu Phật không sợ tận thế mà chỉ sợ không làm chủ được mình, gây tạo những nhân ác. Bất cứ lúc nào, trong mọi sinh hoạt mà không làm chủ được để nghiệp dẫn lôi, gây nhân bất hảo thì đó là điều đáng sợ. Bởi vì gây nhân xấu thì cảm quả xấu. Nhân xấu quả xấu cứ nối nhau liên tục như vậy, thì chừng nào chúng ta mới được an lạc. Người tu Phật phải luôn luôn bình tĩnh đối với các cảnh duyên. Đã không gây nhân bất hảo thì không sợ quả báo xấu. Dù sống ở cảnh giới nào, nếu là người đầy đủ phúc duyên thì những cảnh giới xấu cũng không ảnh hưởng đến chúng ta.

Năm 1968 tức năm Mậu Thân, tôi từ Huệ Nghiêm về Thủ Đức. Trong nước đang có chiến tranh. Hòa thượng dạy, học rồi thì mấy thầy về lo phụ việc trong chùa. Nghe lời Thầy, tôi về chùa phụ lo các việc. Song song với tôi, có một huynh đệ lớn tuổi hơn, thầy lên Lái Thiêu lãnh chùa. Từ chợ phải qua sông mới tới chùa của thầy. Chùa này rất lý tưởng, có vườn cây trái, phía trước có sông lớn. Nhưng vùng đó lại là vùng mất an ninh.

Ban đêm máy bay trực thăng bắn, có một gia đình Phật tử chui xuống hầm, nhưng chẳng may luồng đạn bắn vô hầm làm chết hết, chỉ còn một đứa bé. Đứa bé được đem đến cho người huynh đệ tôi, thầy đặt tên nó là Phước. Ông rất cung, Phật tử biết cũng đem thức ăn cho. Khuya thầy thức dậy tu thì nó cũng bò dậy hoe hoe. Thầy uống một ly cà phê, nó cũng uống một ly cà phê. Tôi nói thầy dạy đệ tử kiểu này thì không khá. Lớn lên nó quậy thiệt. Những năm sau tôi về núi, không biết bây giờ chú bé đó lưu lạc ở đâu.

Có phước như vậy, nhưng không có duyên để huân luyện, uốn nắn theo hướng tốt thì phước chuyển thành họa. Ví dụ như gia đình giàu có mà cha mẹ giáo dục con không được ngay từ nhỏ, thì lớn lên sẽ bị hư hỏng, tiêu tan sự sản. Chú bé này có phước nên cả gia đình chết hết mà chú vẫn còn sống khỏe mạnh, nhưng vì thầy quá cưng chiều nên làm hỏng chú. Người ta nói một là có phước không nên hưởng hết, hai là phước không đến lần thứ hai, thứ ba. Đó là điều mà người Phật tử phải biết để tu tập, tạo duyên cho phước tăng trưởng theo hướng tốt.

Ví dụ như chúng ta có phước gặp Phật pháp, phát tâm tu hành và không bị sự cản trở nào cả. Chúng ta không phải là người thiếu nợ, hết cơm gạo hay mất mát điều gì. Trong khi đó, có những người cùng chung huyết thống, hoặc chung hoàn cảnh lại không được như chúng ta. Bởi vì họ thiếu phước, không có duyên với đạo. Họ tạo vô vàn nghiệp, phần nhiều trong lúc không bình tĩnh, sáng suốt. Đã tạo nghiệp không tốt thì phải chiêu cảm quả báo không tốt. Quả thực, từ chỗ tương đối có những thuận lợi mà không tỉnh, không đủ duyên thì đi dần vào chỗ bị ràng buộc, mất ánh sáng để rồi tăm tối. Trong kinh nói đó là hạng người đi từ sáng vào tối.

Còn người được tu hành đàng hoàng, thuận duyên là từ sáng đi vào sáng hoặc từ tối đi vào sáng, không phải từ sáng vào tối hoặc từ tối vào tối. Cho nên nói người đó có phúc duyên. Từ phúc duyên ấy lại phát huy thêm những chủng tử lành, thì việc tu học ngày càng thêm tiến.

Pháp tu của Bồ-tát Di Lặc là lòng thương đối với tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta chưa phát huy lòng thương đó đến tột cùng, thì bây giờ bắt đầu phát huy, tu tập cho hoàn chỉnh pháp tu này. Không nỡ ăn thịt chúng sanh, là pháp mà Bồ-tát Di Lặc đã tu thành tựu. Chúng ta nỗ lực phát huy, hành trì. Trong mọi sinh hoạt hằng ngày, trong từng phút giây cố gắng thực hiện cho được tâm đó. Như vậy chúng ta sẽ thành tựu được hạnh đại từ đại bi, sẽ được danh xưng như Bồ-tát Di Lặc. Đó là tinh thần tu hành của đạo Phật.

Tôi dẫn bài kệ của Thiền sư Tuyệt Chiếu hiệu Duy Công. Bài kệ này là một bài Tự thán. Tự thán nghĩa là tự than. Ngài tự than mặc dù mình nỗ lực công phu nhưng chưa đạt được an lạc, chưa làm chủ hoàn toàn đối với các cảnh duyên. Cảm nhận như vậy nên Ngài ghi lại lời này để tự gắng nỗ lực, thực hiện cho kỳ được sở nguyện của mình. Bài kệ như thế này:

Công phu vị đáo phương viên địa
Kỷ độ bằng lan độc tự sầu
Kim nhật thị tam minh nhật tứ
Tuyết sương dung dị thượng nhưn đầu.

Tạm dịch:

Công phu chưa đến chỗ vuông tròn
Hằng tựa lan can luống lo âu
Hôm nay là ba mai lại bốn
Tuyết sương dễ đến phủ trên đầu.

Lời than này gần gũi, hợp tình hợp cảnh với chúng ta. Ngài than công phu của mình chưa đến được chỗ an toàn, gọi là phương viên địa. Cho nên bao nhiêu lần đứng tựa lan can lo sầu, sợ cho chính mình. Những lúc ra ngoài, khi ngồi một mình, hay phải đối diện với công việc gì đó mà nhớ đến công phu chưa được hoàn bị thì luôn luôn bất an, lo lắng. Đọc câu này chúng ta thấy hiện rõ ràng tâm trạng của chúng ta.

Thử một hôm nào, nếu chúng ta có bệnh tật hoặc ăn ngủ không yên, tụng kinh không được, ngồi thiền không ổn, không có sự an lạc. Lúc nào đó mình mới soi rọi lại, rồi chạnh thương cho mình. Tuổi đã lớn, thân thể nay đau mai yếu, việc tu hành không có sự phấn chấn. Phật pháp sờ sờ ra đó mà tu hoài không thành công. Nghĩ mà thương mình. Lại thêm bệnh tuy nhẹ mà thuốc men không đầy đủ, không gặp thầy, không hết được thì bệnh nặng. Nếu không đủ duyên nữa thì chết. Trình tự của nó là như vậy. Không ai có năng lực gì có thể cản ngăn được luật vô thường cả. Bởi vậy nhớ đến thân phận, sự tu học của mình mà chạnh thương mình. Vì vậy Hòa thượng thường dạy chúng ta, các vị phải tự thương mình mà nỗ lực tu hành.

Bao nhiêu lần Ngài đứng tựa lan can, riêng một mình sầu lo. Vì ngày nay là ba, mai lại bốn. Nghĩa là ngày hôm nay là mừng một thì ngày mai là mừng hai, chứ không thể hôm nay là mừng một mà ngày mai quay trở lại ba mươi được. Hết mừng một thì mừng hai, mừng ba, mừng bốn v.v... Năm nay mình năm mươi ba tuổi, năm tới là năm mươi bốn, năm mươi lăm tuổi v.v... cho đến chết, không dừng được.

Thử nghiệm xem mình mừng xuân, mừng tuổi có đúng như vậy không ? Tu hành không có kết quả lợi lạc, trong lòng bất an, thời gian cứ chòng chát thì thật là đáng sợ.

Như vậy thì mừng vui ở chỗ nào ? Mình phải lo sợ, phải thương mình. Thời gian cứ tiếp nối mãi, không dừng cũng không đi ngược lại. Đó là luật vô thường. Chúng ta tu mà không tỉnh, không sáng, không làm chủ được thì vô thường chụp lấy chúng ta. Rồi theo đó tạo nghiệp, chịu khổ, lẩn quẩn trong vòng luân hồi sanh tử.

Chỉ khi nào chúng ta tỉnh sáng, làm chủ được, sống được với cái bất sanh bất diệt thì dù cho luân hồi có xoay chuyển cỡ nào chúng ta cũng an được. Cho nên nói Hôm nay là ba mai lại bốn, tuyết sương dễ đến phủ trên đầu. Tuyết sương là những bụi bặm hay tóc bạc báo hiệu cho sự già yếu của mình.

Tóm lại đây là lời của một vị Thiền sư trong giai đoạn tu hành chưa xong việc, than cho thân phận của mình. Ngày hôm nay tu không có kết quả, không được lợi lạc, ngày ngày cứ qua suông như vậy và cái già phủ lên đầu mình. Cuộc sống suy giảm rồi già bệnh chết, đó là khổ.

Lời ghi này đối với công phu tu hành như huynh đệ chúng ta, là lời nhắc nhở rất cần thiết, rất hay, rất thấm trong ngày đầu năm. Vì vậy tôi dẫn ra để tự tôi phải học thuộc nó. Chúng ta không thể nào giữ được những gì mình mong muốn cả. Mình muốn cho mình luôn được khỏe mạnh nhưng thử hỏi có thể giữ được không ? Rất khó, bữa nay giữ được nhưng nếu ngày hôm sau bệnh thì công phu cũng theo đó mà suy giảm. Vì vậy đọc bài thơ Tự thán của vị Thiền sư này tôi thấy thật là hay.

Kể đến tôi dẫn bài kệ của Thiền sư Tiểu Ấn, Ngài có công phu tu hành đặc lực, để chúng ta theo đó mà phấn đấu.

Kim cang chánh thể hiện rõ ràng
Cảnh vật muôn vàn Bát-nhã quang
Bật lối lại qua đương niệm thoát
Âm dương đất trống lý toàn bày
Gáy sáng gà cây trong nẻo vắng
Mừng xuân gái đá ra động phòng
Đáy hồ rồng vậy vui vô hạn
Đưa tiễn gió xuân một lò trầm.

Ngài tu hành đặc lực nên phấn khởi trong lời ghi lại cho chúng ta. Kim cang chánh thể hiện rõ ràng, cảnh vật muôn vàn Bát-nhã quang. Nghĩa là Ngài đã làm chủ hoàn toàn

cho nên lúc nào Kim cang chánh thể cũng hiện bày. Trí tuệ Bát-nhã luôn soi sáng, mọi hiện tượng chung quanh không làm gì được Ngài nữa.

Bật lỏi lại qua đương niệm thoát, âm dương đất trống lý toàn bày. Nghĩa là tất cả những dấy niệm Ngài đều làm chủ được hết. Công phu này gần gũi với chúng ta lắm. Không nói là được an lạc hay thành tựu pháp thân hoặc giải thoát thanh tịnh gì hết, mà chỉ nói mọi dấy niệm đều làm chủ được. Chính Hòa thượng đỉnh ninh dạy rõ chúng ta về điểm này. Làm sao chúng ta làm chủ được các dấy niệm của mình. Đi đứng nằm ngồi, trong mọi sinh hoạt, có niệm nào dấy khởi, mình làm chủ được không để nó kéo lỏi. Như vậy rất là thích thú. Tu bình thường thôi, lúc ăn, khi làm công tác, tụng kinh, ngồi thiền, đọc sách, tiếp khách lúc nào cũng làm chủ được. Được vậy thì trí Bát-nhã thường sáng suốt hay chánh thể Kim cang hiện bày.

Gáy sáng gà cây trong nẻo vắng, là con gà bằng gỗ mà gáy vào buổi sáng. Thử xem xưa nay có con gà bằng gỗ nào mà gáy được không. Nếu gáy được và gáy ở chỗ không có người nào hết thì có tác dụng gì đâu. Giả dụ như bây giờ trăm ngàn thứ vọng tưởng, bao nhiêu niệm dấy lên mà chúng ta làm chủ được, không chạy theo bất cứ niệm nào hết, thì đúng là gà cây gáy trong chỗ vắng vẻ, không có tác dụng gì hết.

Mừng xuân gái đá ra động phòng. Ngày xuân là nói đến tuổi xuân hay để diễn tả người con gái đang trong thời điểm xinh tươi, rộn ràng với bao tình ý v.v... Nhưng với người tu đến đây thì giả như có những hiện tượng đó cũng không thể kéo lỏi được nữa. Người con gái đá thì cảm tình có tác dụng gì đối với chúng ta. Đúng như lời Thiền sư Phù Dung nói “trồng hoa trên đá”. Tóm lại đây là lời ghi của một vị công phu đặc lực, làm chủ hoàn toàn đối với tất cả các hiện tượng.

Hai câu kết Ngài nói Đáy hồ rồng vẫy vui vô hạn, đưa tiễn gió xuân một lò trầm. Các vị ở trong gia đình hay am cốc, Thiền viện, các vị luôn tiếp cận với tất cả các công việc nhưng nhớ lúc nào cũng sống được với tâm thể của mình. Sống được với tâm thể của mình tức là sống được với mùa xuân Di Lạc hay mùa xuân miên viễn ở trong lòng chúng ta. Sống được như vậy thì có thân dụng, nên ở đây Ngài nói đáy hồ rồng vẫy vui vô hạn. Giống như rồng gặp nước, ở dưới nước vẫy đuôi, lên cao thì hợp gió tụ mây v.v... Bao nhiêu thân dụng chân động từ con người đã làm chủ được mình.

Tóm lại lời ghi này của vị tu hành đắc lực, làm chủ được mình và có được những thần dụng. Thần dụng cũng giống như thần thông vậy. Nếu tu được đắc lực, sống được với tánh giác, không bị kéo lôi thì chúng ta cũng có thần thông. Còn sống mà tâm tư bị xé manh xẻ mún, bị ngược xuôi năm trên năm dưới, đầu nọ đầu kia thì không có thần dụng.

Chúng ta có thể thực hiện được như vậy không ? Tôi xin trả lời thế cho các vị mà cũng là trả lời cho tôi “Chắc là được”. Với điều kiện thứ nhất là phải phát tâm kiên cố, nghĩa là phát tâm chắc chắn, vững mạnh. Thứ hai là phải có tâm trường viễn, tức là không bao giờ ngán sợ bỏ cuộc, lúc nào cũng phấn chấn tiến bước. Được hai tâm này cộng với sự tha thiết thì công phu nhất định thành tựu.

Người xưa tu hành cũng những phương pháp như chúng ta mà các Ngài thành công. Chúng ta bây giờ hiểu nhiều hơn, biết được cả chuyện trong vũ trụ. Văn hóa, văn minh là thế nhưng về công phu miên mật trường viễn thì thiếu. Đây là mặt yếu mà chúng ta cần phải khắc phục để sự tu hành được kết quả trọn vẹn.

Những điểm yếu trong lòng chúng ta ai mà biết được, có khi nào mình nói ra đâu. Ví dụ khi trình bày điều gì với Thầy mình, chắc rằng không ai dám nói thẳng ra những thói xấu hay điểm yếu của mình, mà chỉ nói xa xa vậy thôi. Thầy hiểu được thì Thầy chỉ cho. Hồi nhỏ có mẹ, chuyện gì cũng nói với mẹ nhưng đến tuổi mười tám, mười chín thì không dám nói nữa. Có những ẩn khuất không bao giờ dám nói cho mẹ nghe. Cũng vậy, đáng lẽ chuyện tu hành cần nói cho thầy nghe nhưng cũng không dám nói. Thôi thì bây giờ mình nói cho mình nghe. Nói rằng chỗ đó là chỗ mình cần phải phấn đấu vượt qua, tiến lên.

Phật tổ đã dạy cảnh là huyễn, các duyên bên ngoài là huyễn. Chúng ta biết và hằng sống như vậy để đừng bị các thứ huyễn kéo lôi. Nói Kim cang chánh thể, Bát-nhã quang hay trí Bát-nhã tức là tánh giác, Phật tâm của mình, đó là cái bất sinh bất diệt. Mình có nhưng đã để phủ nhiều lớp bụi nên bây giờ phải phủi sạch, để nó hiện ra và chiếu sáng.

Thêm một vị Thiền sư khác có lời cảm tưởng về con người trong ngày đầu xuân:

Năm trước gặp thanh xuân

Má hồng khoe đào lý

Năm nay gặp thanh xuân

Tóc bạc đầy mái đầu

Người đời tuổi bảy mươi
Nhanh như dòng nước chảy
Chẳng ngộ tâm xưa nay
Sanh tử làm sao khỏi.

Trong ngày đầu xuân các vị tu hành gặp gỡ, trao đổi với nhau về công phu, về chỗ đến của mình để thu nhận sự kiểm nghiệm. Hoặc nói cho bạn nghe, hoặc trình bày với thầy để được chứng minh chỗ đúng sai của mình, nhằm giúp công phu tiến triển hơn. Vị này nói năm trước gặp thanh xuân, má hồng khoe đào lý, tình hình năm trước như vậy nhưng năm nay gặp nhau thì tóc bạc đầy mái đầu. Không biết năm trước là năm nào nhưng tới mùa xuân năm này soi gương thấy tóc bạc đầy đầu.

Người đời tuổi bảy mươi, nhanh như dòng nước chảy, tuổi lớn chồng chất lên con người chúng ta nhanh như dòng nước chảy. Đứng trên cầu nhìn dòng nước chảy qua rất nhanh. Trên nguồn thì thấy lưu lượng rất chậm nhưng đến chỗ xiết thì chảy rất nhanh. Một lúc nào đó, ngồi yên nhìn lại quãng đường đã đi qua của mình, mới hôm nào còn học ở cấp tiểu học, mình nhớ thằng bạn này, thằng bạn kia v.v... Nhưng bây giờ nhìn lại thì thấy mình đã lớn tuổi rồi.

Khi tóc bạc hoa râu, hai chân không còn vững như hồi xưa, da dẻ nhăn nheo, mắt không còn tinh sáng như thời trai trẻ nữa. Cái khỏe cái đẹp đã đi đâu mất mà chính mình lại không muốn mất nó. Mình đi thầy thuốc, đi núi non cầu cho được khỏe mạnh sống lâu v.v... Nhưng khi nhìn lại thì những điều cầu nguyện mất hết. Quả thực những gì mình muốn thì không giữ được. Cái không giữ được mà cố giữ thì chúng ta phải đối đầu khổ đau thôi. Nó không phải là gì hết nhưng bảo nó dừng thì nó không chịu dừng.

Hai câu sau cùng Ngài nhắc nhở chúng ta Chẳng ngộ tâm xưa nay, sanh tử làm sao khỏi. Người tu hành không nhận được bản tâm, không sống được với tánh giác của mình thì làm sao thoát khỏi sanh tử. Chúng ta sống thì mê, chết thì đọa. Bởi mê tạo nghiệp nên chết bị đọa, không an được tí nào cả. Trong lúc sống mình mê man, mong cái này, muốn cái kia, lãng xăng đủ thứ chuyện, vì vậy nên không sáng.

Nhưng mình không dám nói là mình mê, mình có trí tuệ, có bằng cấp cao, có địa vị thì làm sao mà mê được. Phật nói chúng sanh mê đáo để. Mê cái gì ? Mê sanh tử. Thực

chất của nó như vậy mà không dám thấy, không dám sống đúng như vậy nên mê. Chúng ta là một trong những người mê đó. Cái giả không thật mà chúng ta không chịu nhận.

Phật nói thân mình là đồ giả nhưng có ai chịu là giả đâu, lúc nào mình cũng lo sửa soạn, cạo gọt cho nó. Nó bệnh thì phải lo thuốc men chạy chữa. Có ai nói tôi sống đến hai mươi tuổi cảm thấy mệt mỏi quá, tôi chết cho rồi. Không ai dám nói như vậy. Dù bệnh hoạn cũng muốn sống lây lất, không thể sống nổi nhưng vẫn cứ sợ chết. Chết là gì mà người ta phải sợ dữ vậy ? Chỉ có người tu mới có thể giải đáp được điều này.

Nếu như Thiên sư, sống được với tánh giác của mình thì chết như cởi áo hạ, rất nhẹ nhàng. Mùa hạ cởi được chiếc áo thì được thư thả, mát mẻ biết chừng nào. Như vậy chết đâu có gì đáng sợ. Bởi chưa nhận, chưa sống được với tánh giác cho nên mình sợ chết. Vị Thiên sư này nhắc nhở chúng ta, nếu không sống được với cái bất sanh bất diệt của mình thì không thể làm chủ được sống chết. Như vậy người làm chủ được sống chết thì phải sống được với tâm chân thật của mình.

Tới đây chúng ta nhớ lại đoạn sử, trước khi Bồ-tát Sĩ Đạt Đa vượt thành xuất gia. Sau thời gian được tắm mình trong cung đình, thụ hưởng tất cả những dục lạc ở thế gian, Ngài sanh nhàm chán. Một hôm Ngài xin Phụ hoàng cho đi ra ngoài thành để tiếp cận sinh hoạt của quần chúng nhân dân.

Lần thứ nhất, được sự chuẩn bị của nhà vua, những cảnh tốt đẹp được mở bày, dẹp hết những gì không tốt trước mắt Thái tử. Nhưng chẳng may, lần ra đi này Ngài gặp một người già đi lụm khụm, có vẻ mệt nhọc. Ngài hỏi người hầu cận đó là người gì ? Được biết đó là người già. Ngài hỏi: Ta có già không ? Ngài cũng sẽ già chớ không thể son trẻ hoài được. Thế là một nghi án đập vào tâm não ngài. Phải giải quyết như thế nào để mọi người và chính mình đừng bị cái già chi phối. Từ đó tâm đại từ đại bi của Ngài phát sinh. Đó là dữ kiện khiến cho Ngài băn khoăn về kiếp nhân sinh.

Lần thứ hai gặp người bệnh, lần thứ ba gặp một cây chết. Những hiện cảnh thống khổ mà con người phải nếm trải nhưng không ai quan tâm cả. Thêm những dữ kiện nữa để cuối cùng Thái tử quyết định từ bỏ tất cả những phù hoa của bậc đế vương để đi tìm một chân lý, một lối thoát cho mình và tất cả mọi người.

Chúng ta có duyên gặp được đạo lý của Ngài, khỏi phải tìm đâu hết. Biết già bệnh chết là những oan khiên mà mình phải đương đầu, nên lo gây dựng một sức mạnh để đối

phó. Không cho già bệnh chết thúc bách làm mất đi sự an ổn, tạo những nghiệp nhân xấu xa tằm tối để bị khổ. Đây là chỗ công phu của mỗi người chúng ta.

Nên lời răn nhắc của Thiền sư chẳng ngộ tâm xưa nay, làm sao khỏi sanh tử. Nếu người tu Thiền mà không nhận được tâm thể của mình thì không làm sao làm chủ được sanh tử. Sống được với tâm thể rồi thì sanh như đắp chặn đông, tử như cởi áo hạ, có gì bận rộn đâu. Sanh cũng tốt mà tử cũng tốt. Nghĩa là sống với tinh thần tỉnh giác, sống với tâm thể thanh tịnh cho nên sống cũng tốt mà ngay bây giờ chết cũng tốt.

Thiền sư Quang Giác, trong thời gian tu hành chưa thành tựu, Ngài bị bệnh kiệt quá nặng, hơi thở không còn đủ để thở nữa. Vì quá kiệt sức nên Ngài nhờ huynh đệ lau rửa sạch sẽ rồi đỡ ngồi dậy, đốt ba nén hương, Ngài thắm khẩn: “Con đang tu tập như vậy, nếu bây giờ cái chết đến với con, con nguyện chấp nhận trả hết những quả báo xấu mà con đã gây tạo. Nguyện trả hết để chúng trí Bát-nhã hiện tiền. Đời sau vừa sanh ra là quay về với chúng trí Bát-nhã và tu tập đến ngày viên mãn”. Sau khi khấn tâm thắm khẩn như vậy rồi thì mồ hôi toát ra, bệnh giảm dần. Nhờ thuốc men của huynh đệ, Ngài khỏe dần và sáng đạo. Đây là công phu trong lúc chí tử.

Tóm lại tu hành là phải làm chủ, kiểm soát chính mình, không có gì khác hơn được cả. Trong việc ăn mặc, nói năng, đi lại mà chúng ta làm chủ được tức là chúng ta tu đắc lực. Nếu chưa làm chủ được thì phải cố gắng làm chủ lấy.

Tới một Thiền sư cư sĩ Việt Nam, tức Tuệ Trung Thượng Sĩ. Nhân ngày xuân Ngài có ghi:

Thời tiết xoay vần xuân đến thu
Cái già sông sộc đã trên đầu
Giàu sang ngó lại trơ tràng mộng
Năm tháng mang theo chất học sầu.
Nẻo khổ vành xe lăn lốc khắp
Sông yêu bọt nước mắt còn đâu
Trường đời nếu chẳng rờ lên mũi
Ngàn thưở lương duyên chỉ bóng màu.

Tuệ Trung Thượng Sĩ là vị Thiền tổ của Thiền phái Trúc Lâm thời Trần. Đây là phái thiền gốc của tông phái Thiền Việt Nam chúng ta.

Thời tiết xoay vần luân đến thu, cái già sông sọc đã trên đầu. Ý này cũng giống như những điều chúng ta đã nói. Sự thay đổi, hết xuân đến hạ, hết hạ đến thu, hết thu đến đông, xoay vần mãi. Cái già cũng như thế, nó sông sọc ở trên đầu chúng ta.

Giàu sang ngó lại tro tràng mộng, năm tháng mang theo chất học sàu. Dù cho có giàu sang gì chẳng nữa, thì qua một giai đoạn, nhìn lại chúng ta chỉ thấy chồng chất những khổ đau. Người xưa nói: Nhất tướng danh thành vạn cốt khô. Một người thành danh tướng thì đã trải qua muôn vạn cốt khô, tức là nhiều người đã nằm xuống.

Nẻo khổ vành xe lăn lóc khắp, sông yêu bọt nước mắt còn đâu. Đây là những khổ sở mà mình đã nếm trải, nó luôn thay đổi và qua mắt. Ngài chỉ nỗi khổ đau trầm thống lớn lao nhất là vô thường, nó phủ trùm hết. Không thoát được vô thường thì bị nó chi phối, bị nó làm khổ. Mình không muốn đổi thay mà nó cứ đổi thay. Xây một ngôi chùa, muốn nó tồn tại được cả trăm năm nhưng đâu có được. Một hai năm thì nó cũ hư rồi bị sập đổ. Cứ như thế, hữu hình thì hữu hoại. Phật nói chư hành vô thường, các pháp sinh diệt là như vậy.

Trường đời nếu chẳng rờ lên mũi, ngàn thuở lương duyên chỉ bóng màu. Trên cuộc đời này, chúng ta chỉ nhìn thiên hạ, thấy cái hay dở của thiên hạ thì lỗ mũi của mình sờ sờ ra đó mà mình không thấy. Chỉ cần kiểm lại các giác quan của mình thì cũng đủ tu, cũng đủ thành Phật rồi chứ không có gì xa xôi. Ngài nói trên trường đời này nếu mình cứ ngược xuôi mãi theo vọng tưởng, theo những nhân duyên, hình ảnh bên ngoài thì tất cả chỉ là bóng màu thôi. Nếu chúng ta nhận lại mình thì cái bất sanh bất diệt hiện tiền.

Tuệ Trung Thượng Sĩ nêu lên những hình ảnh cụ thể trong cuộc đời để chúng ta tỉnh. Đọc lại những hình ảnh này chúng ta rất dễ tỉnh. Đây là lời dạy của vị cư sĩ Thiền sư, là thầy của vua. Mặc dù là cư sĩ nhưng hạnh của ngài cũng giống như các vị Thiền sư.

Tất cả chúng ta đều có tâm thể, có tánh giác, nhưng ai sống được với tánh giác đó? Chúng ta cứ chạy theo bên ngoài mà bỏ quên, không đoái hoài gì đến tánh giác của mình. Nên ở đây Ngài dạy nếu muốn hết khổ thì chúng ta phải có công phu tu hành. Muốn làm chủ các giác quan thì phải làm chủ được mình.

Ngài Tuyết Đậu - Trùng Hiên nói:

Núi xuân chồng chất xanh

Nước xuân lóng lánh biếc

Thênh thang bầu trời không

Đứng riêng trong mù tọt.

Ngày xuân nhìn ra cảnh bên ngoài như núi xuân chồng chất xanh, tức là con người tự tại giải thoát rồi nên thấy cái gì cũng xinh tươi. Bởi vì bên trong không còn bất an, nên nhìn cái gì cũng đẹp hết. Nước xuân lóng lánh biếc, nhìn cảnh nước mùa xuân rất tươi mát. Thênh thang bầu trời không, đứng riêng trong mù tọt. Người đã hoàn toàn làm chủ lấy mình rồi thì cảnh duyên không làm gì được nữa. Người đó trong lòng thênh thang, tất cả hiện tượng bên ngoài đều được hiện bày qua tánh giác.

Nhân ngày đầu xuân, cũng là ngày sinh hoạt đạo lý đầu năm, tôi nêu một số kinh nghiệm của các bậc tu hành đã thành tựu, được lợi lạc thiết thực đối với đạo để chúng ta noi theo. Đồng thời chúng tôi cũng ghi nhận những lời cảm khái tự thán, tự trách của những vị trong giai đoạn công phu chưa đắc lực, chưa đến nơi đến chốn. Chúng ta theo những kinh nghiệm này mà gắng nỗ lực cho mình.

Người con Phật nhận được cái bất sanh bất diệt rồi thì những dao động bên ngoài không làm gì được chúng ta, do đó chúng ta an lạc. Ngược lại nếu không nhận được như vậy thì công phu tu tập của chúng ta khó có được kết quả viên mãn.

Mong rằng từng giờ mới từng ngày mới, tất cả huynh đệ chúng ta ý thức được việc tu hành của mình. Mỗi người nỗ lực làm sao để không uổng phí cuộc đời, đạt được lợi ích thiết thực đối với Phật pháp mà mình đã có duyên tu học. Đó là lời cầu chúc đầu năm của chúng tôi.



THIÊN TẶNG VÀ HIẾU HẠNH

Vào Thiên là đi vào cuộc sống. Một cuộc sống mà ở đó mọi gian truân trầm thống, tự bản thân nó không là gì hết. Ngài Quy Sơn đã từng nói, chỗ thật tế không còn một chút dấu vết, nhưng trong cửa muôn hạnh không bỏ sót việc nào - Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp. Qua tinh thần lời Phật dạy, người biết tu là người biết báo ân Phật và, chỉ có tu cho sáng được việc lớn của mình mới là người ân nghĩa vẹn toàn, hiếu hạnh bậc nhất. Rõ ràng trong các Kinh A Hàm còn ghi : “Vào mùa hạ thứ bảy, sau khi thành đạo đức Thế Tôn đã vì mẹ mà lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp. Nhờ thế Hoàng hậu Ma Da bây giờ là một tiên nhân được chuyển hóa và thành tựu quả Thánh.

Thế nên chữ hiếu trong đạo Phật, đặc biệt dưới cửa Thiên tông được thể hiện khác hơn thế thường. Chúng ta hãy đọc một đoạn thơ từ biệt mẹ của Thiên sư Động Sơn Lương Giới.

“Được nghe chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân, muôn loài sanh trưởng thảy nhờ trời đất che chở. Cho nên không có cha mẹ thì chẳng sanh, không có trời đất thì chẳng trưởng, thảy nhờ ơn dưỡng dục, đều thọ đức chở che.

Song mà, tất cả hàm thức, vạn tượng hình nghi đều thuộc vô thường chưa lìa sanh diệt. Tuy ơn bú xú nặng nề, công nuôi dưỡng sâu thẳm, nếu đem của cải thế gian phụng dưỡng trọn khó đáp đền, dùng máu thịt dâng hiến cũng không được bền chắc. Trong Hiếu Kinh nói : “Dù một ngày giết đôi ba con vật để cúng hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu. Vì sẽ lồi nhau vào vòng trầm luân chịu muôn kiếp luân hồi”. Muốn đền ơn sâu dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia. Vì sẽ cắt đứt dòng sông ái sanh tử, vượt qua khỏi biển khổ, đáp ơn cha mẹ ngàn đời, đền công từ thân muôn kiếp, bốn ân ba cõi thảy đều đền đáp. Kinh nói : “Một đứa con xuất gia chín họ đều sanh lên cõi trời”. Con thệ bỏ thân mạng đời này, chẳng trở về nhà, đem căn trần muôn kiếp chóng tỏ sáng Bát- nhã.

Cúi mong cha mẹ mở lòng hỷ xả, ý chớ trông mong, học theo gương phụ vương Tịnh Phạn và thánh mẫu Ma Da. Hẹn đến sau kia sẽ gặp nhau trong hội Phật, còn hiện nay cam chịu lìa nhau. Con chẳng phải quên ơn dưỡng dục, chỉ vì “thời giờ không đợi

người”. Cho nên nói : “Thân này chẳng thẳng đời này độ, lại đợi đời nào độ thân này ?”.

Xin cha mẹ lòng chớ mong. Tụng rằng :

Vị liễu tâm nguyên độ số xuân,
Phiên ta tịnh thể mạn thuân tuần.
Cơ nhơn đắc đạo không môn lý,
Độc ngã yêm lưu tại thể trần.
Cẩn cụ xích thơ từ quyến ái,
Nguyện minh đại pháp báo từ thân.
Bất tu sái lệ tàn tương ức,
Thí tợ đương sơ vô ngã thân.

Dịch :

Chưa rõ nguồn tâm trái mấy xuân,
Thương thay mê mãi luống băng khuâng.
Cửa không đã lấm người được đạo,
Riêng kẻ thô hèn mãi phong trần.
Viết lá thư này từ cha mẹ,
Nguyện thông đại pháp báo từ thân.
Không nên rơi lệ nhiều thương nhớ,
Xem tợ buổi đầu con không thân.”

Phải là ngài Động Sơn mới có được lời thơ cho mẹ như thế. Bởi vì Ngài đã được kết tinh từ một cội nguồn siêu thoát phi thường. Đây chúng ta hãy xem lá thư của mẹ gửi cho Ngài.

“Mẹ cùng con đời trước có nhân duyên nên mới kết thành tình mẹ con. Kể từ ôm thai trong lòng, sớm chiều cầu thần khẩn Phật nguyện sanh được con trai. Thai bào đủ tháng mạng sống như chỉ mảnh, sanh con được toại nguyện quý như châu báu. Không nề sự hôi hám của phần ướ, chẳng ngại sự bú xú nhọc nhằn. Con vừa thành người dắt đến trường học tập. Hoặc khi con đi chơi về trễ, mẹ tựa cửa trông mong.

Con viết thư về quyết xin xuất gia. Cha đã mất, mẹ già, anh yếu, em nghèo nàn, mẹ trông cậy vào ai ? Con có ý bỏ mẹ, chớ mẹ nào có tâm quên con. Từ khi con cất bước tha phương, ngày đêm mẹ thường rơi lệ. Khổ thay ! Khổ thay!

Nay con lại thế chẳng về quê, mẹ cũng tùy chí nguyện của con. Mẹ không dám mong con như Vương Tường nằm giá, Đinh Lan khắc cây, chỉ mong con như Tôn giả Mục Liên độ mẹ thoát khỏi trầm luân tiến lên Phật quả. Nếu mẹ không như vậy e phải có tội. Con cần phải giải quyết cho xong”.

Thế nên, dưới mắt của Tổ sư một bậc trượng phu hiểu nghĩa vẹn toàn, phải là người siêu việt thường thông khoái, ung dung độ thoát cha mẹ bằng chính cuộc sống thực của mình.

Bản chất của Thiền tông không là gì hết, không là gì mới mẻ, không mặc thêm bất cứ chiếc áo nào mà tự nó trang nghiêm, tháo gỡ mọi vướng mắc nên thênh thang tự tại. Chỉ thế thôi. Người xưa nói, đi chỉ đi, hiện hữu mà vẫn hồn nhiên hài hòa tươi tắn. Không bước đi nào hạn cuộc khuôn thước, mà cũng không bước đi nào ngoài ước lệ phạm trù cuộc đời, sống thực ngay đây. Một Thiền sư Việt Nam đã thông khoái hát lên lời này :

Trời đất liếc trông chừ sao thênh thang,
Chông gậy chơi rông chừ phương ngoại phương,
Hoặc cao cao chừ mây đỉnh núi,
Hoặc sâu sâu chừ nước trùng dương.

(Tuệ Trung Thượng sĩ)

Thần thái vào cuộc thật sâu của Tuệ Trung Thượng sĩ đã làm nên một Trúc Lâm Đại Đầu Đà, điểm lên trang sử Phật một nét son rực rỡ. Phải chăng đó là do một truyền thống đạo pháp với dân tộc đã gắn liền của người Việt Nam từ các thời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê. Một Thái sư Đỗ Thuận, một Khuông Việt Ngô Chân Lưu là những con người phục vụ dân tộc, tự lợi lợi tha đầy đủ. Đạo đời hai vai gánh nặng, nhưng vẫn hùng vĩ như đại bàng bay lượn giữa trời cao, nhàn nhã như thiên nga phô sắc phơi phới trên dòng nước biếc, mà thật sự không dính một giọt nước nào. Có thể nói không một giọt nước nào thấm ướt gót chân các Ngài. Các vị cao Tăng như Nhất Tông, Giới Minh là những bậc đã từng làm đạo sư của đấng quân vương lấy tâm người làm tâm mình, lấy ý muốn của người làm ý muốn của mình. Còn gì cao đẹp bằng hình ảnh này, hình ảnh một ông vua anh hùng lừng danh mà rồi sau đó dứt khoát nhường ngôi lại cho con để xuất gia làm tăng tu khổ hạnh, lấy trời mây, suối nước làm cung điện thế thiếp. Cung cách ấy, tâm

lòng chí nhân chí hiếu ấy được thể hiện qua nếp sống và lời ca hồn nhiên bình dị của các Ngài.

Đôi cảnh vô tâm chớ hỏi thiên...

Để rồi,

Lợi danh phũ sạch trận mưa đêm...

Hay như,

Xuân tàn còn có tiếng chim ca...

Với tinh thần giáo dục ấy, nên vua Trần Anh Tông cũng là vị vua hiếu đạo vẹn toàn.

Một hôm nhân say yến tiệc, Anh Tông đã không kịp ngự triều. Đức Nhân Tông từ Yên Tử về không thấy Anh Tông ngự triều, Ngài liền quày quả trở về núi. Anh Tông hay tin cấp tốc dong thuyền suốt đêm, để theo kịp vua cha. Đến nơi, vua quỳ dưới chân đức Điều Ngự nhận mọi lỗi lầm và thành tâm sám hối. Đẹp thay! Quả là một hình ảnh rực sáng hiếu đạo của đấng quân vương Việt Nam.

Tóm lại, hiếu đạo của thiên tăng phải được biểu hiện cụ thể từ chân diện mục của mình. Từ đó chân trần mặt đất bước vào đời, và là một con người ân đức hiếu nghĩa trọn vẹn, nhưng vẫn thanh thoát nhẹ tơi.



KIỂM LẠI VIỆC TU CỦA MÌNH

Một lúc nào đó kiểm lại đời tu, việc tu của chúng ta, chắc rằng không ai khỏi giật mình qua quá trình tu học của mình. Đây là vấn đề ách yếu nhất của chính mình. Vấn đề này, tiền tài danh vọng không thể hoán đổi được, mà chính mỗi chúng ta tự đảm đang trách nhiệm ấy. Thế thì, chúng ta phải tiêu dung vấn đề này như thế nào ? Và để đảm bảo việc này của chúng ta trong hiện trạng cuộc sống hằng ngày, làm sao chúng ta vẫn sống vẫn sinh hoạt đều đặn cùng ngoại giới mà chúng ta không đánh mất thời giờ tu hành. Chúng ta luôn luôn giữ được phần chủ động, nắm phần chắc thực nơi mình, không bị lay chuyển bởi cảnh duyên gì, cho dù hoàn cảnh có như thế nào đi nữa. Và đây là tiếng rống của một sư tử vương trong quần thú:

“ Việc đến chẳng nhận,
Tất cả chỗ không tâm...”

Ở đây, gói trọn vấn đề tu của chúng ta thôi. Để rồi từ đó, chúng ta càng rút tĩa kinh nghiệm bản thân vững chắc hơn, hầu giúp chúng ta xúc tiến và tích cực hơn nữa, làm sao chúng ta giải quyết mọi việc cho được viên mãn. Như vậy bám vào vấn đề một cách chặt chẽ, thì chúng ta thấy về mặt ưu khuyết điểm còn tồn đọng những sự kiện sau :

Mặt khuyết, ta tự nhìn lại ta, đôi khi ta đành chấp nhận sự thất bại, không chịu nổi một vài cái thiếu thốn nào đó, và cam nhục chí phấn đấu của mình, thối lui bỏ cuộc. Thế thì bị đánh gục bởi những thứ giặc này đây.

Hỡi các bạn ! Chúng ta phải phấn đấu và quyết phấn đấu đến cùng, tập trung mọi năng lực sáng suốt nơi mỗi chúng ta, quyết phải đạt đến đích. Phật chỉ dạy chúng ta “Tự chiến thắng mình là chiến công hiển hách nhất”. Lại một lần nữa, chúng ta phải gan dạ nhận lấy vai trò chủ động sáng suốt của mình, không đổ thừa cho ai. Chúng ta phải vươn lên, mạnh dạn lên, khừ trừ tận gốc vào sào huyệt căn bệnh trầm kha nơi mỗi chúng ta. Chúng ta phải phá vỡ hết những u ám gì còn vương mắc tồn đọng trong tâm thức. Đây là công việc chính yếu hàng đầu của chúng ta :

“Nguyện con dứt sạch mọi não phiền
Gắng tu chẳng chút sanh lười mỏi
Lập chí vững chắc như kim cương

Yêu ma quỷ mị không ngăn nổi
Chiếc gương trí huệ tay chẳng rời
Đon đao đột nhập vô thượng giác...”

Đã thế còn ngủ mê nói mớ làm gì? Hãy quét sạch tất cả bụi mù lâu nay, vững vàng tiến lên. Trước mắt ta bầu trời ngọc bích bao la mở rộng không biên cương giới hạn gì cả. Chỉ chúng ta dám đối mặt mọi vấn đề và nhận lại chính mình hay không ?

Chúng ta không nên chậm trễ nữa, chỗ cuối cùng của chúng ta là “Đại hoan hỷ Phật” là “Lâu các Di Lạc” là nơi “ Đại trí Văn Thù” và “Vô lượng Thánh chúng” đang hội họp và ban rải pháp âm vi diệu. Nơi đây vắng bóng lo âu tủi nhục, cũng không có chỗ cho mọi phiền não, tham, sân nung tựa. Chúng ta phải nhìn thẳng tới trước, phải vươn đến chân trời tịch an. Phật dạy :

“Những gì có trước ngươi,
Hãy làm nó khô cạn,
Đừng có sự vật gì,
Ở phía đằng sau ngươi !
Ở giữa ngươi không chấp,
Ngươi sẽ sống an tịnh.”

(Câu hỏi của thanh niên Jatukanni – 167- Tiểu Bộ Kinh)

Chúng ta hãy tay trong tay, lòng bên lòng cùng nhau tiến bước. Lúc nào chúng ta cũng tươi vui giải thoát, thực sự giải thoát không còn ràng buộc bởi bất cứ điều gì, mọi rối rắm bị xóa tan, mây mù tăm tối ta quét sạch thì mọi an ổn lúc nào cũng hiện rõ trước mắt chúng ta. Giai đoạn đầu với những khó khăn nguy hiểm, khi được khắc phục hoàn bị rồi thì lãnh vực an ổn hài hòa vui tươi hiện tiền.

Chúng ta cũng đừng bao giờ xem thường cuộc sống này, thân tâm này với bao điều khó khăn ngoại giới... Bởi chúng ta chỉ cần một chút sơ hở thiếu sáng suốt, tự chủ thì không thể vận dụng tiêu hóa nổi chúng, chúng sẽ quấy rầy chúng ta không ít. Tuy nhiên, tối kỵ chúng ta áp dụng kỹ thuật máy móc vào cuộc sống. Vì sao? Vì kỹ thuật ấy đôi khi làm cho con người và cuộc sống chúng ta trở thành máy móc, không thành thật với chính mình. Đã không thật lòng đùm bọc nhau rồi thì nói gì “Xót thương cứu giúp tiêu thù hận...” Cho nên chúng ta lúc nào cũng sẵn sàng chân thật và nhẹ nhàng giải thoát

như mây trời quện gió, như hoa lá reo vui. Làm sao chúng ta có thể bỏ được ý nghĩa chân chính của hai chữ “Tăng già”. Đó là ý nghĩa “ Hòa hợp” và “Thanh tịnh”.

Ôi, cao quý trong sáng làm sao ! Kính lạy đức Thế Tôn, ngài là hòn đảo để chúng con nương tựa, rồi từ đó chính mỗi chúng con tự tạo hòn đảo cho chính mình. Giáo pháp của ngài là đuốc sáng soi tỏ đường mê, khiến chúng con khỏi sa hầm sục hố. Từ đó chúng con khơi dậy tâm mình, nhận lấy ngọc quý nơi chính mình, giàu có vô vàn. Tăng già của Ngài tiêu biểu Thánh thiện, là hòa hợp thanh tịnh. Chúng con nguyện sống với nhau trong tinh thần hiểu biết, thông cảm không để mọi cố chấp phiền hận, mọi vị kỷ nhỏ nhen len lỏi vào tâm não, mà luôn thể hiện mọi dịu dàng trong sáng trong mọi động tĩnh, hiện thành sức sống, đó là sức sống an bình tỏa khắp mọi loài mọi vật.

Ta là một chiến sĩ hiên ngang đang chiến đấu với hư không, và khi nào chúng ta biết “Chiến đấu với hư không”, thì mọi mộng mơ rã tan, chân giải thoát hiện thực trong ta.

“Trời đất liếc trông chừ sao thênh thang,
Chống gậy chơi rong chừ phương ngoại phương,
Hoặc cao cao chừ mây đỉnh núi,
Hoặc sâu sâu chừ nước trùng dương...”



CỘI NGUỒN YÊN TỬ

Tông môn Yên Tử, dòng pháp nối tiếp sau Thiền sư Hiện Quang là Quốc sư Phù Vân. Vua Trần Thái Tông sau khi nhận chân được lẽ vô thường của cuộc đời này, Ngài quyết tâm tu hành và tìm lên núi Yên Tử, bấy giờ là Quốc sư Phù Vân đang kế thừa ngài Hiện Quang tại sơn môn này.

Ngài Phù Vân là một con người đạt đạo, lại rất thực tế đối với xã hội và đất nước. Khi thấy vua Trần Thái Tông lên đây xin tu thì Ngài chưa quyết định nhưng Ngài nói rằng : “Lão tăng ở chôn sơn dã đã lâu, xương cứng mặt gầy, ăn rau rặm, nhai hạt dẻ, uống nước suối, vui cảnh núi rừng đã quen. Còn Ngài là một vị quốc vương lên ở đây tu hành làm sao được”. Nhưng vua Trần Thái Tông khăng khăng một mực xin ở đây tu. Ngài lại hỏi tiếp : “Bệ hạ đến đây cầu việc gì ?”. Vua Trần Thái Tông đáp : “Trẫm còn thơ ấu, đã sớm mất mẹ cha, trơ vơ đứng trên sĩ dân, không nơi nương tựa. Lại nghĩ rằng sự nghiệp Đế Vương đời trước hưng phế bất thường, cho nên mới vào đây, chỉ muốn cầu làm Phật chứ chẳng muốn cầu gì khác”. Ngài Phù Vân liền nói : “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta, nếu tâm lắng lặng thì trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật, không cần đi tìm cực khổ bên ngoài”. Đó là câu nói mà Quốc sư Phù Vân đã hiện bày để khai ngộ cho vua Trần Thái Tông.

Khi Trần Thái Tông bỏ triều chính lên núi Yên Tử tu, Thúc phụ Trần Thủ Độ ra lệnh cho bá quan lên núi tìm vua. Gặp vua, Trần Thủ Độ yêu cầu nhà vua sớm về lãnh đạo quốc gia, mọi người đang mong đợi nhà vua trở về. Vua Trần Thái Tông nghe những lời khẩn cầu tha thiết, vua động lòng thương với Quốc sư Phù Vân : “Bây giờ bá quan tìm tới đây rước trẫm về, Ngài nghĩ thế nào ?”. Ngài Phù Vân đáp rằng : “Là đáng quân vương, mình làm việc gì phải noi theo lòng của mọi người, dân muốn rước Bệ hạ về thì Bệ hạ nên về. Nhưng về làm việc nước mà đừng quên việc tu hành của chính mình.”

Ngày xưa, với một vị Thiền sư ở núi mà đã mở ra một chân trời như thế, đầy quả là lời nhắc nhở chí thiết vừa đạo đức, vừa đạo lý sống trong nhân gian. Tuy vua phải trở về triều đình, nhưng Ngài vẫn không quên việc nghiên cứu kinh điển của Phật và thực tập thiền quán. Một hôm nhân tụng kinh Kim Cang đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” Ngài liền có chỗ vào, tâm thái ngời sáng. Nguyên chữ Hán nói đầy đủ là : “Bất ưng trụ

sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Do nhận được lẽ chân thật này, nên về sau Ngài có viết quyển Thiền Tông Chỉ Nam lưu lại cho hậu thế.

Sau đó, vua thỉnh Quốc sư Phù Vân về triều và đã trình lên Ngài. Xem qua Quốc sư Phù Vân hứa khả nói : “Đây là quyển sách rất xứng đáng”. Như vậy một ông vua vừa lo việc nước, việc dân, chống giặc ngoại xâm, chiến thắng quân Nguyên Mông làm nên trang sử vẻ vang cho dân tộc mà vẫn tu hành được. Đây quả thực là một điểm son sáng ngời đáng được hậu thế soi chung.

Nói tiếp ngài Phù Vân là Thiền sư Đại Đăng, cùng thời với vua Trần Thánh Tông. Vua Thánh Tông là một vị vua hoàn thành việc nước xuất sắc mà vẫn am hiểu Phật pháp, nhận được lý Thiền. Chúng ta thấy các vua nhà Trần, đều là những người thâm hiểu Phật pháp ứng dụng tu hành. Người trốn lên Yên Tử đầu tiên là vua Trần Thái Tông, đến người thứ ba là vua Trần Nhân Tông, đặc biệt các Ngài đều tìm lên Yên Tử để tu.

Vua Nhân Tông, lúc còn là Hoàng tử được vua cha gởi theo học với Tuệ Trung Thượng Sĩ. Đây là một ông quan rất uyên bác Phật pháp và ngộ lý Thiền sâu sắc, thuyết giảng Thiền rất độc đáo. Thế thì lúc còn là một ông hoàng mà vua Trần Nhân Tông đã được nuôi nấng ở trong đạo lý, và Ngài từng trốn lên Yên Tử tu. Có thể nói Phật pháp đời Trần xuất phát từ núi Yên Tử, từ Thiền sư Hiện Quang, Quốc sư Phù Vân cho đến Quốc sư Đại Đăng, những vị Quốc sư này đều là thầy của các vua đời Trần. Trong sử có đoạn ghi vua Trần Nhân Tông trốn lên núi Yên Tử tu, muốn nhường ngôi lại cho em, nhưng vua Thánh Tông thấy rõ Ngài là người có đủ đức, đủ tài để lo việc nước, cho nên lên Yên Tử bắt về và truyền ngôi lại cho Ngài.

Vua Nhân Tông ngộ lý Thiền nơi Thầy học của mình là Tuệ Trung Thượng Sĩ. Sau một thời gian học đạo với Thầy, cho đến ngày vua cha đòi về, Ngài hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ rằng : “Việc bổn phận của người tu là gì ?” Tuệ Trung đáp : “Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc”. Nghĩa là quay lại soi sáng chính mình, đó là phận sự chính, không thể cầu bên ngoài mà được. Ngay đó ngài liền ngộ. Như vậy khi còn là Thái tử, Ngài đã ngộ đạo rồi chứ không phải đợi đến sau này. Nhưng Ngài làm tròn trách nhiệm của một người có bổn phận lo cho dân cho nước xong rồi mới đi tu.

Qua hai lần đánh thắng quân Nguyên Mông, đem lại sự hòa bình cho dân tộc. Khi nước nhà bình yên, Ngài nhường ngôi lại cho con là vua Trần Anh Tông và lên núi Yên Tử tu, năm đó ngài 40 tuổi. Ngài có những điểm kỳ đặc hơn các Quốc sư Phù Vân, Đại Đăng... Những vị này đều là Quốc sư theo hệ thống của các hệ phái Thiền được truyền thừa lâu nay trong nước. Đến Ngài thì nhận lấy những tinh hoa của các dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường... kết tụ lại, lập thành một hệ phái lấy tên Trúc Lâm Yên Tử. Từ đó nước ta có một phái Thiền hoàn toàn Việt Nam và Ngài là người đứng đầu khai sáng, làm Sơ tổ của phái thiền này.

Khi còn làm Thái thượng hoàng, Ngài có làm bài phú tựa là Cư Trần Lạc Đạo, nghĩa là đang ở trong vòng bụi bặm trần thế, mà vẫn hành đạo, vui với đạo. Trong bài phú này có những câu Ngài nói về Thiền hết sức thấu đáo, như :

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Tạm dịch:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền.

Đang sống cuộc đời mà vẫn vui với đạo là bởi khéo tùy duyên, tùy duyên tức là không đòi hỏi, không thắc mắc, tiếc nuối lo âu... đó là khéo tùy duyên. Câu “Đói đến thì ăn mệt ngủ liền” không phải nói đói ăn mệt ngủ là chủ yếu, mà tất cả những việc gì đến cũng giống như đói ăn mệt ngủ vậy. Việc gì cần làm thì làm, qua rồi thì thôi, đừng nghĩ rằng mình làm đây có lợi nhiều hay ít, lợi bao nhiêu, hại bao nhiêu. Cứ lo tính như thế làm mất đi sự trong sáng của chính mình. Việc gì mình đã làm rồi thì tùy duyên, làm tốt thì kết quả tốt, việc nào mình cũng vui vẻ chấp nhận.

Nói như thế không có nghĩa là mình bất lực mặc cho số phận. Mà ở đây mình dùng trí tuệ thấy một cách thấu đáo lẽ thật, thế thì mọi khổ đau phiền não sẽ không có cơ hội quấy rầy mình nữa. “Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, đối cảnh vô tâm mạc vấn

thiền”. Trong nhà có của báu rồi mà còn tìm kiếm gì nữa. Những gì tầm thường không ai coi trọng, có một cái gì đó người ta quý trọng thì gọi nó là báu. Cũng như vậy trong thân của chúng ta, cũng như ngoại cảnh bên ngoài đều là tướng vô thường sinh diệt. Nhưng trong tướng vô thường sinh diệt đó ngầm chứa một cái chưa bao giờ bị vô thường hoại diệt, cái đó không báu là gì ? Cho nên ngay trong mình có của báu đó, đừng tìm kiếm nơi nào khác. Không tìm kiếm bên ngoài thì phải tu bằng cách nào? “Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” Thấy người, thấy vật, thấy hoa, thấy cỏ ; thấy tốt biết tốt, xấu biết xấu, cái gì ra cái đó, nhưng không dính mắc cái nào hết. Vô tâm là không dính, không kẹt chứ không phải không biết gì.

Thiền có nghĩa là không để tâm dong ruổi theo sáu trần. Lục Tổ ngộ câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cang, vua Trần Nhân Tông cũng ngộ câu đó. Làm sao cho tâm mình trong sáng không vướng mắc sáu trần, căn trần không đến nhau đó là Thiền. Núi Yên Tử là chiếc nôi của nguồn Thiền Việt Nam, bởi vì từ các vị Quốc sư, Thiền sư cho đến các vua Trần tu hành ngộ đạo, truyền bá Thiền tông đều xuất thân tại ngọn núi này.

Đây là một bài kệ của Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm, Trần Nhân Tông tổ khai sáng phái Thiền Việt Nam Trúc Lâm Yên Tử. Nay xin gửi đến những người bạn đồng hành, để cùng nhau trở về điểm xuất phát dòng Thiền thuần túy Việt Nam, và người khởi xướng là một vị vua, lãnh đạo quốc gia.

Mong rằng mỗi người con Phật chúng ta, ai nấy cũng xứng đáng và làm tròn bổn phận của mình, để không phụ lòng các bậc tổ sư tiền bối đã dày công gây dựng.

“Phải trái rụng theo hoa buổi sáng
Lợi danh lạnh với trận mưa đêm
Hoa tàn mưa tạnh non im vắng
Xuân cõi còn nguyên một tiếng chim.”



KHÔI PHỤC DÒNG THIỀN TRÚC LÂM

Dân tộc Việt Nam trải dài cả ngàn năm Bắc thuộc mà tín ngưỡng truyền thống của giống nòi vẫn còn nguyên vẹn. Ngót một trăm năm bị đô hộ bởi phương Tây mà dân ta đại đa số vẫn giữ được truyền thống tín ngưỡng ngàn xưa của tiên tổ. Đây quả thực là một điều đáng khích lệ, đáng biểu dương cho tinh thần cao quý của giống nòi. Người xưa từng nói : “Hết gạo hết binh nhưng niềm tin không bao giờ hết”. Đây một câu nói nghe qua giản dị mà nói lên được ý chí xuyên suốt, kiên hùng, bền vững và bất khuất.

Dân tộc ta đã vùng lên và luôn luôn đứng vững làm nên lịch sử nòi giống, đập tan mọi âm mưu phá hoại của bên ngoài, giành lấy quyền tự chủ độc lập, xứng đáng so vai cùng hàng liệt quốc anh hùng trên thế giới. Lại tổ tiên ta cũng tự biết chọn cho mình một tín ngưỡng phù hợp lòng dân, để rồi từ đó giữa mọi người trong cộng đồng dân tộc, cùng đoàn kết thực sự để xây dựng tổ quốc. Bấy giờ các phái thiền Phật giáo có mặt trên lãnh thổ. Đầu tiên, vào giữa thế kỷ thứ VI phái thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi truyền vào với bao nhiêu vị danh Tăng thạc đức như Thiền sư Đỗ Pháp Thuận, Trưởng lão La Quý An, Tăng thống Khánh Hỷ, Quốc sư Vạn Hạnh... các Thiền sư này mở ra một con đường sáng là trọn đạo đẹp đời. Sau đó kỷ nguyên thứ IX phái thiền Vô Ngôn Thông xuất hiện trên cõi Đại Việt cũng với tinh thần trong sáng hài hòa, người con Phật lòng trọn lòng yêu quê hương bảo vệ tổ quốc. Với những danh tăng như Khuông Việt Thái Sư, Trưởng lão Định Hương và vua Lý Thái Tông... Ngang đây có thể nói rằng các phái thiền Việt Nam đã một lần làm nên lịch sử cùng với dân tộc này đoàn kết hòa hợp để xây dựng một đất nước Việt Nam phồn thịnh, non sông một dải gấm vóc, đất nước yên vui thái bình. Dân tộc ta lòng lòng phấn khởi, từ các đảng quân vương vừa gánh vác trọng trách kiến quốc, vừa thực hiện hoài bão mở thông đạo Thánh lợi lạc quần mê.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một Thiền phái hoàn toàn Việt Nam ra đời với những Thiền sư cao khiết như Thiền sư Hiện Quang, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trúc Lâm Đầu Đà, Huyền Quang Tôn giả... các bậc Thiền tổ này đã mở toang cửa Thánh không chút giấu giếm. Các Ngài chỉ thẳng Phật tâm của mọi người, chỉ thẳng cái cốt tủy của việc tu hành là “Phản Quan Tự Kỳ”, là nhận lấy phận sự chính của mình, không hề than trách chối chạy nghiệp dĩ kiếp người. Các Ngài gỡ cửa sự đoàn kết chân chính tình nòi

nghĩa nước, đào tạo một thế hệ anh hùng, làm nên trang sử vàng son cho dân tộc. Bản môn mở đạo của các Ngài là Trúc Lâm Yên Tử, nơi mà trước đây cao tổ của Thiền là Thiền sư Hiện Quang đã có mặt, sống và hành đạo tại đây. Ngài cũng đã khẳng khái nói với chúng ta rằng – Tập theo đức Hứa Do, nào biết xuân thu trước, an ổn sống trọn vẹn, người tự tại thông dong – (Na dĩ Hứa Do đức, Hà tri thế kỷ xuân, Vô vi cư khoáng dã, Tiêu diêu tự tại nhân). Lời dạy bảo thâm trầm này của tổ Hiện Quang trên đỉnh Hoa Yên thưở nọ quả thực trầm hùng, đồng vọng, làm nền tảng kiên định cho một Thiền phái Thiền tông tương lai Việt Nam ra đời, tiếp nối công đức lợi lạc chúng sanh bằng trí tuệ siêu việt của Ngài. Và lời Ngài dặn người sau trước khi thị tịch vẫn còn âm vang mồn mọt :

“Huyền pháp là huyền,
Huyền tu cũng huyền,
Hai huyền đều không,
Là sạch các huyền.”

Thiền phái Trúc Lâm chính thức ra đời vào đầu thế kỷ thứ XII. Hồi này các bậc công khanh quốc vương, công phu sáng đạo dựng lập môn phong. Vị sáng tổ là đức vua Trần Nhân Tông anh quân, một vị vua anh hùng sáng đạo và rời ghế phượng loan xây dựng rừng thiền lấy Trúc Lâm Yên Tử làm tiêu bản. Một đời Ngài sáng đạo độ sinh, truyền xướng môn phong sung mãn. Các bậc danh đức thực học kế thế dòng mạch này như tổ Pháp Loa, Trạng nguyên Huyền Quang... Thầy trò một nhà hòa tấu khúc tông phong vi vút. Yên Tử sơn, cội tùng rừng trúc cho đến ngày nay vẫn là đỉnh cao của những tâm hồn mộ đạo cầu Phật. Cũng từ đó, với túc duyên thâm hậu nối nắm cội nguồn tại miền Nam nước Việt, xứ cao nguyên yên lắng, một Thiền sư ra đời trùng hưng Thiền viện Trúc Lâm, nêu cao tinh thần “khôi phục Thiền Tông Việt Nam” làm sống dậy một tông phái Thiền vốn đã rạng danh một thời, mà cũng đã mai một từ bao thế kỷ trước. Có thể nói, đó là đặc điểm Thiền học Việt Nam của một thời đại.

Ngày Thầy quảy gậy lên non, bóng Thầy ngả dài theo lịch sử truyền thừa Phật giáo Thiền tông. Một thời cơ chợt hiện, như ánh đuốc trong đêm tối tỏa sáng minh mông. Pháp âm lưu bá, sức sống Thiền tông vùng dậy làm tông bản, nơi ngưỡng mộ của mười

phương nạp tử. Chính đây với những năm tháng miệt mài công phu của hàng nạp tử trong tông môn đã hứa hẹn một tương lai rực rỡ “Sáng đạo giải quyết việc sanh tử của mình”.

Tại Thiền viện Trúc Lâm, các Thiền sinh luôn phấn đấu công phu thực hiện hoài bão làm người xuất gia đệ tử Phật xứng đáng, để chống vững ngôi nhà Phật pháp và tương lai làm lợi ích cho chúng hữu tình. Ở đằng xa, lòng ngưỡng mộ các bậc thượng đức này, tôi ước mong Phật pháp sáng tỏ, Tam bảo gia hộ, việc lớn viên thành. Tất cả chúng tôi đồng phát nguyện “Thấp sáng ngọn tâm đăng Phật tổ”. Vì thế với chúng tôi thì, Thiền viện Trúc Lâm là một nhân tố quan trọng của người con Phật ngày hôm nay, là viên đá đầu tiên đặt trên nền tâm linh của mọi người con Phật, với quyết tâm duy nhất là khôi phục lại ngôi nhà Thiền tông. Và tinh thần khôi phục Thiền tông Việt Nam, bước đầu đã hình thành trên hướng trình khai mở chỗ tăm tối còn đọng lại trong lòng chúng ta, tiếp tục thấp ngọn tâm đăng Phật tổ làm thuyền bè cho mọi chúng sinh còn đang đắm chìm giữa biển khơi.

Chính vì vậy, chủ trương dừng lại năng lực vô tận của mình, để rồi không còn phải lang thang chạy rong tìm kiếm bên ngoài nữa, để cắt đứt những phút giây phiêu bồng trôi giạt quá là khó khăn vô kể. Nơi đây dừng lại mà sống, mà nhận lại mặt mắt thật xưa nay của mình. Có nhìn tận, thấy thực rồi mới yên lòng dừng bước lang thang, thôi làm người khách phong trần phiêu lãng.

Sống thực, thấy thực, tự mình quan tâm và nhận ra sự chắc thực của chính mình nơi mọi sự kiện, và cũng từ đó, ta có cơ hội hồi đầu nhận lại nguyên vị chân nhân của mình. Người xưa nói : “Cái khó xưa cha mẹ sinh vẫn còn ắm” cái này nó đơn sơ, bình thường và cũng rất giản dị. Nó không giấu giếm một ai, và cũng không bao giờ khuất lấp với riêng ai. Tuy nhiên, bao giờ ta chịu dừng bước lãng xăng thì cái ấy tự hiện, ta mới sáng mắt với mọi vấn đề. Còn thì chưa nhận ra, ngàn muôn năm cứ vẫn dùi mài khác nào rùa mù, bọng nổi.



CON ĐƯỜNG THIỀN

Hôm nay, chúng ta sinh hoạt về đề tài tinh thần trang nghiêm hoặc tinh thần tu học của người con Phật nói chung, của người tu thiền nói riêng.

Nói đến “tu thiền”, tức là nói đến “tu tâm”, căn cứ từ tâm mà tu. Nhưng tâm là gì? Thường mỗi người chúng ta gọi cái mà ta ôm giữ, suy nghĩ, sống hằng ngày và sử dụng trong mọi tương giao, đối duyên tiếp cảnh là tâm. Nhưng đức Phật lại gọi đó là “vọng tưởng”. Vì tâm này không phải là tâm thật.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy tâm ấy là “những tướng tưởng của tiên trần, là tướng phân biệt bóng dáng của pháp trần”. Đó là bóng dáng tồn đọng của những cảnh duyên trước mắt. Từ chỗ nhận lầm vọng tưởng lăng xăng này là tâm, mà chúng ta không nhận ra được cái thực, để rồi chạy theo, vướng mắc, gây tạo những rối rắm chung quanh, không thể nào thoát khỏi luân hồi quả báo. Cứ vậy mà ta loay hoay trong vòng cuộc sống. Cuộc sống này mất đi, ta gây dựng cuộc sống kế tiếp, chuyên năm bắt, vướng mắc bởi vọng tưởng.

Người tu Phật muốn nhận được tâm thật, chỉ khi nào trị được vọng tưởng, trị được những biến động lăng xăng ngược xuôi trong sinh hoạt, trong các đối duyên xúc cảnh của mình. Nghĩa là, người nào làm chủ, sắp xếp làm sao để được bình ổn với các cảnh duyên, thì người ấy sống được với tâm thật của mình.

Như vậy, bước đầu của việc tu hành là phải thấy cái gì là giả, cái gì là thật. Người tu thiền phải nhận cho bằng được cái thật ấy. Nếu không, dù ngồi thiền một ngày bao nhiêu tiếng, tụng kinh sám hối bao nhiêu lượt, mà một bề chấp giữ vọng tưởng cho là thật, thì nhất định những mong mỏi, cầu nguyện của chúng ta tu tập hằng ngày sẽ không có kết quả.

Khi biết đó là vọng tưởng, bước kế tiếp là cố gắng đừng để vọng tưởng kéo lôi. Đây là một quá trình công phu, đòi hỏi người tu thiền phải nhìn rõ và phải thật sự sống được như vậy.

Về việc công phu, người xuất gia chúng tôi cũng như quý Phật tử, tùy theo hoàn cảnh và căn nghiệp của mỗi người mà hằng ngày áp dụng công phu có khác nhau. Không có một pháp tu cố định nào đối với người tu thiền. Nói thế không có nghĩa là chúng ta

không tu, không công phu. Trong giai đoạn này phải có công phu! Chính nhờ công phu, chúng ta mới có thể biết các biến động lăng xăng, ngược xuôi kia chỉ là vọng tưởng không thật. Cái biết đó không phải là một bài kinh hay một phương pháp cố định, nên nói thiền pháp không cố định. Dù là cái sẵn có, tuy nhiên cái biết ấy không phải tự dung mà nhận lại được. Nó đòi hỏi phải có công phu, quá trình tu tập và kinh nghiệm.

Tổ Qui Sơn nói:

Mặc cho pháp tánh tự nhiên lưu xuất,
Quản lý thấy nghe giữ được mực thường,
Ứng dụng tự tại đối với sự lý,
Hoàn toàn siêu việt!

Ngài không dạy chúng ta phải tụng kinh A Di Đà hay Phổ Môn, mà chỉ dạy chúng ta đừng để mất cái biết là tâm thể hằng tinh, hằng sáng, hằng tri. Để cho cái tự nhiên của chính mình lưu xuất không làm nó đứt đoạn, ấy gọi là “mặc tình”. Người có chút công phu, nhận lại được, nhưng lại không sống được thường hằng với nó, như “người bị sốt rét cách ngày”. Chính là vì vẫn còn ôm ấp vọng tưởng, dong duỗi theo ngoại cảnh, thành ra không sống được thường hằng với tánh giác sáng suốt thường nhiên.

Muốn sống được như vậy, phải “quản lý thấy nghe” đừng để chúng xuôi ngược, vướng mắc tiền trần, cảnh duyên. Đây là chỗ chúng ta công phu, phải khéo nhận! Vậy thì quý vị thấy tu hành đâu có khó, phải không? Chỉ cần làm chủ được các giác quan là tu. Các giác quan là mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, ý lung tung linh tinh. Làm chủ được các giác quan tức làm chủ được các “hiện hình” của mình ngay hiện tại. Tôi nói “hiện hình” ở đây, nghĩa là những tướng ứng hiện ra bên ngoài tương ứng với các vọng tưởng do chúng ta không làm chủ được khi đối duyên tiếp cảnh.

Khi chúng ta “phục hồi” được tánh giác của mình, nghĩa là nhận lại, sống và thường sử dụng được nó, thì ta mới không làm đối với các pháp. Thứ gì giả biết giả, không mắc mưu, không chạy theo, không bị sức hút của cái giả đó quấy rầy. Vì vậy trong nhà thiền hay dùng hai chữ “bất động” để chỉ cho cái không chạy theo này.

Ngoài ra, chúng ta hay nghe đến cụm từ “kiến tánh thành Phật”. Tánh là tính chất. Khi nói đến tánh là nói đến cái gì không bị sai xiển, đổi thay hoặc bị động. Kiến là thấy. Kiến tánh tức là thấy tánh. Vậy thôi! Mà kiến tánh thì thành Phật. Giờ nghiệm lại xem

chúng ta có kiến tánh chưa? Cũng có chứ! Nhưng lại dẫm chân lên bệnh sốt rét cách ngày. Chẳng hạn như đến giờ tụng kinh, công phu, ai rủ mình đi chơi, mình thấy “không thể được”. Cái tình không bị động ấy là gì? Nhưng chúng ta thì lại không nuôi dưỡng những bất động đó. Mình còn chút nghi ngờ, cho nên nghe người ta rủ, mình lập tức gật đầu hay là “đề coi”. Đó là phút giây mình rủ ma quái vào nhà. Cứ như vậy mà ngày này tháng nọ qua đi. Kết quả là... mất mình! Vì lý do đó, Hòa thượng dạy chúng ta phải có tâm kiên cố và trường viễn. Thành ra lịch tu hành là cần thiết đối với những người yếu đuối như chúng ta.

Đó là giai đoạn sơ khởi trong việc tu hành. Những phút giây lóe lên theo kiểu hằng ngày này đánh dấu từng bước, từng giai đoạn một. Dù chưa phải thật, nhưng nếu đi đúng những bước đó thì cuối cùng sẽ gặp được ông chủ. Còn không biết nuôi dưỡng thì những lóe sáng ấy không có cơ hội phát triển. Cũng như từ ba đến năm giờ sáng chúng ta ngồi thiền, tâm được lắng dịu sáng suốt chút ít. Qua năm giờ trở đi, thì thôi tính toán ngược xuôi, ma quỷ hiện hình. Tới lại cầu Phật lễ lạy sám hối... thì có khác gì người lữ hành đường xa mệt nhọc, bước một bước lùi hai bước, bước ba bước lùi sáu bước thì có trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp tu cũng chưa xong.

Chúng ta thường có tật dễ duôi qua ngày. Thấy cái gì bi đát, nhìn một hiện tượng kinh khủng thì có tỉnh, nhưng nuôi dưỡng cái tỉnh ấy hay phát huy trạng thái tâm thức đối với sự kiện ấy để tu thì không. Vừa tỉnh liền mất. Trong đời sống hằng ngày, ta chứng kiến biết bao nhiêu thứ: già, bệnh, dịch họa, thiên tai... thấy thì có sợ. Nếu nuôi dưỡng cái sợ đó để tu thì chắc chúng ta thành Phật tức khắc. Nhưng mà không! Đi một khúc gặp ca nhạc thì quên ngay, nhào vô tham dự. Thành giải ngộ thì nhiều mà chẳng đến đâu.

Tôi nói về từ “giải ngộ”. Giải nghĩa là mở ra những cái gì bị cột trói. Trong cuộc sống hằng ngày nếu khi nào mình cũng được như ý thì mình không có giải ngộ. Kiểm nghiệm ở đời mà thấy thì, đời người từ lúc mọc răng sữa, cho đến lúc thay răng thiệt, chưa ai hoàn toàn được như ý. Thậm chí như đức Thế Tôn của chúng ta, đang đầy đủ tiện nghi, được tôn kính, tán thán phú quý vượt bậc, rồi cũng bất như ý. Khi biết mình cũng không thoát khỏi được già, bệnh, chết như những người khác, Ngài đã bỏ tất cả để tìm đường giải thoát. Giải ngộ của Ngài như vậy, đưa đến kết quả như vậy!

Còn chúng ta, những bấp bênh về tiền tài địa vị công danh nhan nhản trước mắt, hoặc những thông điệp từ Diêm vương gọi lên như cái đau, cái bệnh, cái già, cái yếu... là những cái giúp ta giải ngộ rất nhiều. Nhưng chúng ta làm lơ, đánh mất những cơ hội tốt, để rồi ngày tháng trôi qua.

Ngày nay chúng ta được duyên may gặp Phật pháp, nhận được pháp tu và trong công phu hằng ngày chúng ta đã thể nghiệm thấy đúng thì cố gắng phấn đấu. Không có chuyện gì làm mà không trải qua khó khăn lại được thành công liền. Tuy nhiên người xưa nói “Vấp ngã chỗ nào thì đứng lên chỗ ấy” và gương của người xưa thành tựu cũng không ít.

Chúng ta vì không có quyết tâm, không tin tưởng vào bản thân mình. Đừng nghĩ rằng, những điều trên chỉ dành cho bậc thượng căn thượng trí, còn chúng ta sanh nhằm đời mạt pháp nên vô phần. Pháp của Phật là thuốc trị tất cả bệnh của chúng sanh. Có uống, có thực hành thì chắc chắn chúng ta sẽ nhận được kết quả. Sở dĩ ta không hết khổ, đời duyên tiếp cảnh vẫn bị động là vì ta không tu, không hành, không áp dụng lời Phật dạy cho đúng.

Cơ hội giải ngộ, kiến tánh không ai là không có, nhưng cứ dễ duôi, hoặc an phận “số tôi như vậy”. Đó là sai lầm của rất nhiều người. Trong Phật giáo, không có cái “số tôi”. Người con Phật phải luôn luôn có tinh thần phấn đấu, quyết tâm. Đừng buông xuôi theo những khó khăn hay những vấp ngã... Đừng để đến khi mắc bệnh nan y, hay già lụm khụm mới nghĩ đến chuyện tu, làm sao tu được. Lúc khoẻ đây, phấn đấu còn không nổi, nói gì đến lúc ấy. Và lại, biết mình sống được đến già hay không? Xin chớ có hện!

Phần trên tôi nói lược về những điểm cần thiết cho bước đầu tiến hành công phu. Nói chung từ những hiện tượng trong cuộc sống hoặc từ lòng tin, từ công phu, chúng ta có giải ngộ, có kiến tánh, nhận được cái gì là giả cái gì là thực. Từ đó tùy căn nghiệp của mỗi người, chúng ta công phu để dần dần trở về sống được với tâm thể sáng suốt bất động của mình.

Tiếp theo tôi nói về cửa phương tiện giúp chúng ta làm chủ các giác quan như thế nào. Theo lời dạy của các bậc thiện tri thức đi trước, có ba cửa: Chi, Quán, Thiền. Với ba cửa này chúng ta có thể dung hợp tu tập. Tuy nhiên quan trọng là đừng đứng trước cửa này, mà nhìn sang cửa khác do dự và để thời giờ trôi qua lãng phí.

CHỈ là dừng, là dứt các vọng niệm lăng xăng. Đã gọi là vọng mà nói dứt nói dừng là sao? Thật ra đó chỉ là một cách nói. Chủ yếu là làm sao có trí tuệ, để đừng bị nó dẫn dắt, kéo lôi. Không để bị dẫn tức là đừng được. Không để bị kéo lôi tức là dứt được. Không mắc mứu si mê theo vọng tưởng, nghĩa là ta đã trở về sống được với cái thực. Chỉ cần một cửa này, ta đã vô nhà được rồi. Quý vị thấy có đơn giản không? Chỉ cần “nghĩ bậy thì dừng, bị vọng kéo lôi thì dứt”. Tuy nhiên không có trí tuệ, chỉ ham ăn ham ngủ thì quả thật không phải dễ!

QUÁN là để thấy rõ các vọng niệm không thật. Việc này cũng cần có trí tuệ. Ở đây tôi lấy một ví dụ cho dễ hiểu. Có người nói “Anh là con khi”. Suy cho cùng thì có nói mình là con khi, mình cũng không thể thành con khi được. Vậy thì có gì đâu mà giận, mà tức? Còn nếu mình giận, mình tức, thì hóa ra mình chấp nhận từ “con khi”. Tuy nhiên trong cuộc sống, mình ít chịu quán xét, nghe là lập tức ùng ùng nổi giận và đánh mất tánh thường hằng sáng suốt của mình.

Nhìn kỹ lại cuộc sống này, thương, giận, vui, buồn... có gì tồn tại lâu dài? Thân này, tâm này rồi cũng mất. Nhưng chúng ta bị mắc kẹt, bị vướng lằm cho nên không kiến tánh, không sử dụng được cửa quán để đi vào tâm thể thanh tịnh. Nếu thường xuyên sử dụng liên tục một cửa quán không thôi, thì ta cũng bình ổn, thoải mái, mặc tình mà sống. Vì vậy người tu không thể thiếu quán chiếu, tức trí tuệ là đèn soi đường cho ta tránh hầm hố gai góc.

THIỀN là cửa bất động đối với tất cả niệm tưởng. Hòa thượng Viện Trưởng dạy: “Ai buông được các vọng niệm khi chúng dấy khởi là người bất động”. Công phu này không phải đợi đến chùa, ngồi trước tượng Phật hoặc trong điều kiện thuận lợi mới tu được. Ta có thể áp dụng mọi lúc mọi nơi, khi đang đi, đang ngồi, đang nấu cơm, đang giặt giũ... Niệm dấy khởi, biết không thật, buông. Cứ thế. Người như vậy là người có định tuệ, sử dụng được chỉ và quán. Có thể nói thiền là cửa duy nhất để hành giả được an nhiên, tự tại khi bước vào đó.

Tóm lại, về phương pháp tu hành công phu hằng ngày thì có nhiều, tùy theo căn cơ trình độ hoàn cảnh sức khoẻ của từng người. Nhưng đối với sự hiểu biết và kinh nghiệm để áp dụng thì “Chỉ - Quán - Thiền” nhất định không có sự sai lệch.

Đây là con đường tùy thuận tánh Viên Giác. Tánh Viên Giác tức là tánh giác, sáng suốt trùm khắp, viên mãn tròn đầy không góc cạnh. Tùy thuận, nghĩa là không làm mất tánh Viên Giác. Cửa nào cũng tùy thuận tánh Viên Giác. Có điều chúng ta dễ duôi, không quyết tâm. Chúng ta học thì có học, hiểu thì có hiểu, nhưng bước vào cửa để đi thì không. Người Tây phương nói: “Muốn là được, quyết là xong”. Sở dĩ chúng ta không được là vì chúng ta không muốn, không quyết.

Đời người ngắn ngủi, nhanh như dòng nước xuôi, chúng ta có duyên đã gặp được Phật pháp thì còn chần chờ gì? Cố gắng! Quyết tâm!



Ý NGHĨ CỦA NGƯỜI TU

Hôm nay tôi nói chuyện về ý nghĩ của người tu. Nghĩa là người tu chúng ta phải tu ngay từ trong ý nghĩ của mình. Ý nghĩ là một thứ nghiệp quan trọng, chủ yếu trong sinh hoạt của tất cả chúng ta. Vì vậy nói tu, thì chúng ta phải nhắm thẳng vào điểm gốc này mà tu. Như chư Phật và liệt vị Tổ sư đã từng dạy chúng ta rằng: nếu người biết tu, tu đúng, thì một ngày của người đó bằng bao nhiêu năm tháng dài của những người tu mà không nắm rõ chủ trương đường lối.

Nói vậy, không có nghĩa là chúng ta dám tự hào, mình là người biết tu, là người nắm rõ chủ trương đường lối hơn bất cứ người tu nào khác. Nhưng chúng ta được chút duyên lành có thầy có bạn, chúng ta biết cách thức tu hành và chúng ta cũng biết được những nghiệp tập nào là những nghiệp tập cốt lõi, cốt tủy của chính chúng ta. Nó là những cố tật, biết rồi thì chúng ta nhắm thẳng vào những cố tật này đả thông, sửa đổi, hoặc là chinh đôn để được tốt đẹp.

Buổi nói chuyện này chúng tôi nhắm thẳng vào những ý nghĩ. Những suy nghĩ hay là tác động về ý của người tu nói chung, không luận là người tu thiên hay tu bất cứ pháp môn nào trong đạo Phật. Đây là điều rất cần thiết đối với người tu. Vì rằng, nhiều lúc chúng ta hiểu biết nhiều quá, chúng ta áp dụng nhiều cách tu hành trong đạo Phật quá, chúng ta thọ nhiều giới quá v.v... thành nhận định của chúng ta chung chung. Chúng ta chưa có được một nhận định chính xác xem cái nào là chính, cái nào cần hành trì trong sinh hoạt của mình.

Trong Kinh có một bài như sau: Một hôm Ngài A Na Luật ngồi thiền ở chỗ vắng vẻ, Ngài suy nghĩ thế này:

Người tu theo đạo pháp của Phật thì phải là người thiếu dục, tri túc. Đây là bước đầu thông thường của người học Phật. Nếu chúng ta học Phật mà chúng ta không thiếu dục thì chúng ta hành trì chưa đúng. Chưa đúng thì không thể có kết quả được. “Thiếu” nghĩa là ít, là gọn gàng, giản dị, tối thiểu. Quả thật người tu thì phải thiếu dục. Nếu không thì bận rộn. Đa dục hoặc sẽ bị những thứ lăng xăng trước mắt cuốn lôi, qua mắt một đời không có lợi lạc gì. Sau khi “thiếu dục” rồi thì phải biết “tri túc”, là vừa đủ. Nhưng vừa đủ như thế nào? Nghĩa là phải giới hạn tùy theo những nhu cầu của bản thân. Không nên

buông lung theo những nhu cầu mới mẻ, hiện đại. Chẳng hạn, nói đến việc thông thường như ăn thôi, nếu chúng ta không giới hạn có chừng mực, mà dùng quá nhiều, hoặc thức ăn làm nặng bụng, hoặc quá nóng, quá lạnh, quá sống... vào buổi chiều, thì thời gian công phu đêm của chúng ta xem như bỏ phí. Nặng bụng thì ngồi thiền cũng không được mà tụng kinh tụng Phật cũng không xong. Vì vậy, giới luật là một phần giúp chúng ta biết thiếu dục, tri túc.

Đối với người tu thích ứng ở chỗ lặng lẽ. Có một điều chúng ta dễ sai lầm trong việc tu hành ngày hôm nay là “cứ xông pha”. Nên rồi thời gian tu tập thì dài mà việc ngộ đạo thì ít. Nói là tu mà tam nghiệp vẫn y nguyên, tham sân si vẫn đầy đầy. Đối duyên xúc cảnh mình vẫn bị động, vẫn bị kéo lôi. Đây là điều cốt lõi chúng ta cần phải kiểm lại.

Người xưa dạy chúng ta phải lựa chỗ tu thích hợp. Chỗ thích hợp của người tu không luận pháp môn nào, cũng là chỗ “tránh duyên, tương đối yên lặng”. Nếu không, sự ồn ào đã làm mất thời gian hiện tại mà còn để lại “dư âm”, làm mất thời gian khi chúng ta thực hành công phu. Hòa thượng Viện trưởng Thiền viện Trúc Lâm từng nói với chúng tôi “Dù cho người tu có trí tuệ, sức mạnh hoặc những điều kiện tu hành đặc lực như thế nào, mà không tránh duyên thì cũng không thể bảo quản công phu của mình cho tốt đẹp, cho viên mãn theo ý mình đã định”.

Vì vậy đọc hành trạng của các vị Tổ sư, Thiền sư, các Ngài sau khi nhận ra “bản tâm”, liền tìm một chỗ thích hợp để nuôi dưỡng bảo quản đến khi hoàn toàn “an ổn” mới ra giáo hóa. Ngày nay chúng ta không được phúc duyên như vậy, nên tự mình phải ý thức mà sắp đặt. Thấy mình yếu ở phương diện nào, còn vướng ở những mặt nào thì nên tránh duyên để trị được bệnh của mình. Đây là chỗ khéo của người tu.

Người tu phải là người siêng năng liên tục. Siêng năng của mình thường là “từng khúc từng đoạn”, luôn luôn bị động bởi những duyên sự. Chúng ta ít giữ thời khóa, những việc “đột xuất” thường thích thú hơn những việc sắp đặt trong chương trình. Người xưa đạt đạo rất nhiều, còn thời đại chúng ta cũng nhiều người tu, nhưng nghe nói sáng đạo thì chưa nhiều. Đây là điều chúng ta nên suy nghĩ. Không thì ngày qua ngày rồi mất. Nếu chúng ta cứ buông xuôi... cho đến phút giây quan trọng cuối đời, không làm chủ được, lỡ mất thân này, theo nghiệp dẫn, trôi dạt đâu đó thì muôn ngàn đời chưa biết

ngày trở lại của mình là ngày nào, ở đâu? Vì vậy nói chung, người tu theo Phật phải siêng năng tu trì.

Người tu phải là người chế ngự tâm. Chế ngự tâm tức là chế ngự những dấy niệm của mình. Tâm là cái gì không biết, nó vô hình vô tướng. Chúng ta chỉ biết được cái dụng do nó phát ra. Những vết tích của nó là tác động của căn trần thức. Nó không phải là cái thật chỉ là vọng tưởng. Vọng tưởng không thật, nhưng nếu không buông được, thì không phải nó không có. Chính vọng tưởng là cái dẫn ta đi trong luân hồi. Chính vọng tưởng làm ta bị cột trói trong cuộc đời này.

Chúng ta còn may mắn là được làm người. Chẳng may chúng ta ở địa ngục hay có phúc duyên ở cõi trời, một nơi quá khổ và một nơi chỉ có thụ hưởng... thì quả thật tu hành khó lắm, thưa quý vị! Đây là vấn đề rất quan trọng trong việc tu hành của chúng ta. Vì vậy chúng ta phải chế ngự cho được vọng động của chúng ta. Còn chế ngự như thế nào thì mỗi người có một phương thức riêng, qua sự hướng dẫn của các vị Tổ, vị thầy. Đối với pháp không có gì cố định, nên phương thức chế ngự vọng tâm của từng người, chúng ta tôn trọng. Không dứt khoát phải thế này hay thế kia, mà tùy theo căn nghiệp của từng người, nên nảy sinh sự tu khác nhau. Vấn đề chủ yếu là, làm sao chúng ta được định tuệ hiện tiền, không bị kéo lôi bởi ngoại cảnh.

Người tu phải là người tâm định. Nói dễ hiểu là đừng nghĩ tưởng nhiều. Nhưng chúng ta thì nghĩ tưởng và suy toán nhiều quá. Sự suy nghĩ và tưởng tượng là sản phẩm hào nhoáng của vọng tâm. Chính sự nghĩ tưởng vọng động làm đời sống của chúng ta trở nên già nua, suy yếu, cần cỗi và phiền toái. Từng phút giây mình bị ngón, bị trôi dạt, nhưng lại không biết, rồi lạng lẽ cho qua. Người xưa đã chiêm nghiệm thấy rõ và dặn chúng ta cố gắng đừng suy nghĩ nhiều. Nếu có suy nghĩ thì nên suy nghĩ có giới hạn, trong một phạm vi để tâm còn định. Còn cứ trôi dạt trong sự nghĩ suy tư tưởng thì không thể tu được. Đây là căn bệnh trầm kha của người tu chúng ta, cần phải khắc phục.

Nếu người tu biết thiếu dục tri tức và siêng năng liên tục, chế ngự được tâm, đừng được những nghĩ tưởng thì người đó sẽ có trí tuệ. Đây là kinh nghiệm để lại của người xưa. Khi nào chúng ta áp dụng và dùng được những điều trên thì chúng ta có trí tuệ. Trí tuệ ở đây không phải là tốt nghiệp bằng cấp cao, hoặc tốt nghiệp ở những trường trên thế giới... mà trí tuệ này là do chúng ta buông bỏ vọng tưởng, làm chủ được mình, không bị

kéo lôi bởi những hiện tượng trước mắt. Nó là cái sẵn có của chúng ta, nhưng chúng ta từ lâu chẳng chịu nhận. Các vị Thiền sư nói “không bị quá khứ, hiện tại, vị lai làm khốn mình, đó là có trí tuệ”. Người có trí tuệ là người bất động, nên nói “tám gió thổi chẳng động”, là những người dám nhận lại “cái của mình”.

Qua những ý nghĩ của A Na Luật, đức Thế Tôn đi đến và khẳng định những điều A Na Luật nghĩ là đúng, đáng khen ngợi! Đó là những điều rất cần thiết đối với bất cứ người tu nào. Kiểm nghiệm lại mà xem thì quả thật, nếu chúng ta chưa làm chủ được các dây niệm, trong mọi thứ quan hệ tương giao chúng ta chưa dừng được, thì chúng ta không thể có sự định tĩnh. Nếu không định tĩnh làm sao có trí tuệ sáng suốt?

Về công phu tu hành, người xưa nói : “Dù một giọt nước nhỏ mỗi ngày nhỏ vào đá, cũng xuyên thủng khối đá”. Điều này nhắc nhở chúng ta về sự liên tục, kiên trì và quyết tâm. Nhìn lại mình bây giờ, thử hỏi lòng quyết tâm kiên trì của mình có vững mãi hay không? Có cương quyết hay không? Sở dĩ công phu tu hành của mình luôn trì trệ, không tiến là do tâm kiên trì mình còn yếu, còn kém, chưa quyết tâm.

Việc này đối với Phật tử tại gia khó đã đành, mà ngay trong đời sống của những người xuất gia cũng thế. Cái khó của chúng ta là thế, nhưng không phải là chúng ta không làm được. Công phu của mình mỗi ngày một ít, nhưng nếu chúng ta bảo quản gìn giữ, đừng để gián đoạn hay mất, cứ tích lũy, chịu khó, thì có ngày cũng viên mãn. Trên đường tu, không luận là dài hay ngắn, nghiệp tập sâu dày hay phước báu nhiều bao nhiêu, không luận là tu thiền hay tịnh độ, nếu công phu không liên tục thì cũng như cọ cây lấy lửa, cây chưa nóng đã ngừng, biết bao giờ mới lấy được lửa?

Người tu tịnh độ, niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu vãng sanh. Nếu niệm liên tục không bị xen tạp từ một ngày cho tới bảy ngày thì được Phật rước. Nhưng vì niệm gián đoạn, thành Phật không thể rước được. Thiền cũng vậy! Thầy dạy “buông hết thì được trí tuệ, sáng được việc của mình”. Mới nghe có vẻ dễ hơn, nhưng chúng ta buông cái này thì dính cái kia, buông cái nhà thì dính cái cốc, biết chừng nào định? Làm sao có trí tuệ? Điểm khuyết của chúng ta là vậy. Cái dễ làm còn không được nói gì cái khó!

Lúc đầu chỉ là một ý niệm cần thiết cho sự tu hành, nhưng những ý niệm này sẽ quyết định và hình thành nên ý chí của chúng ta. Nó sẽ giúp chúng ta hành trì liên tục, quyết liệt cho đến ngày viên mãn.

Trong một đoạn nhân duyên đời trước của đức Thế Tôn, có một khoảng đức Phật làm chim oanh vũ. Trong một trận cháy rừng, trước cảnh đau thương tan tác của bầy thú, với sức bé bỏng của mình, chim đã phát nguyện dập tắt ngọn lửa. Một khi đã phát nguyện, chim cứ thế mà làm. Chư Thiên nhìn thấy, cho là điều không thể làm được. Chim nói “Lửa này chỉ là lửa thường. Lửa sân hận, si mê, điên đảo nhiều đời nhiều kiếp, tôi còn phát nguyện dập tắt được thay, hà huống là lửa này!” Thân này nếu chưa dập tắt được thì thân sau, thân sau nữa... đến khi nào dập tắt mới thôi.

Không chỉ một chuyện tiền thân đức Thế Tôn, mà trong hành trạng của các Thiên sư, với những lời phát nguyện như “Nếu do những tập nhân đời trước con phải trả, con nguyện trả hết. Và xin nguyện nương nơi chủng trí Bát-nhã, trả hết nghiệp cũ trở lại tu. Dù có rơi vào nạ quý, địa ngục, súc sanh, vẫn nguyện nương nơi chủng trí Bát-nhã mà tu, cho đến khi nào thành Phật mới thôi”. Tất cả điều ấy nói lên ý chí cần cố của người tu Phật. Không có điều này chúng ta không thể tu cho đến viên mãn được.

Đức Phật của chúng ta đã nói, tất cả chỉ là vọng tưởng, dấy niệm là vọng tưởng, những gì chung quanh ta là vọng tưởng, tiền tài danh vọng đều là vọng tưởng... Chúng ta tin thì có tin, cũng có lúc nhận ra như vậy, nhưng buông thì thật chưa dám buông!

Tóm lại, dù chúng ta đang là người ở địa vị nào, là phàm phu, là những người tu hành đặc lực, hoặc là những người đang còn trăm công ngàn việc, là nam hay nữ... một khi thấy được con đường đạo là như vậy, con đường giải trừ tham sân phiền não của mình là như vậy, và quyết tâm hành trì thì dù trải dài bao nhiêu kiếp số, vẫn cố gắng quyết tâm.

Khi đã khẳng định con đường mình chọn rồi, sẽ có sự phò trợ của Tam Bảo, sự hướng dẫn của chư vị Tổ sư. Chắc chắn chúng ta sẽ thành công.



MỤC LỤC

❖ Lời Đầu Sách.

1. Ghi Nhận Công Phu Ngày Đầu Năm .
2. Thiên Tăng và Hiếu Hạnh.
3. Kiểm Lại Việc Tu Của Mình.

4. Cội Nguồn Yên Tử.
5. Khôi Phục Dòng Thiền Trúc Lâm.
6. Con Đường Thiền.
7. Ý Nghĩa Của Người Tu.

